

CÔNG TY CỔ PHẦN TIÊN SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 04 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN
Báo cáo thường niên năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN TIÊN SƠN THANH HÓA (AAT)**

Trụ sở chính : Số 9, Khu công nghiệp Bắc Sơn Bìm Sơn, P. Bắc Sơn, TX. Bìm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa.

Điện thoại : (84-237) 3770.304

Fax : (84-237) 3772.064

Website : www.tiensonaus.com

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Lê Thị Trang - Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách quản trị Công ty.

Email : letrangqtkddl@gmail.com

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: CTCP Tiên Sơn Thanh Hóa công bố thông tin về Báo cáo thường niên năm 2020.

Tài liệu này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa vào ngày 17/04/2021 tại đường dẫn:

<http://tiensonaus.com/co-dong/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo thường niên năm 2020

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN

Lê Thị Trang

CÔNG TY CP TIÊN SƠN THANH HÓA



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN TIÊN SƠN THANH HÓA

Năm báo cáo: 2020

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TIÊN SƠN THANH HÓA

- Tên giao dịch quốc tế: TIEN SON THANH HOA JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán: AAT

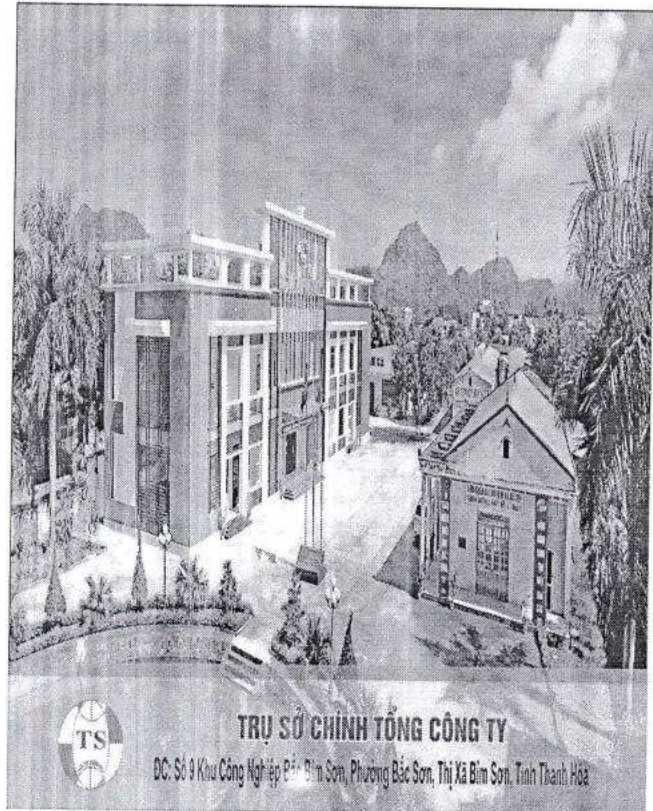
- Trụ sở chính: Số 09, Khu công nghiệp Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2800222245 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 22/07/1995, thay đổi lần thứ 14 ngày 04/05/2017.

- Vốn điều lệ: 348.000.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi tám tỷ đồng)

- Số điện thoại: (84- 237) 3770 304

- Số fax: (84-237) 3772 064



- Logo:



- Website: www.tiensonaus.com

* Quá trình hình thành và phát triển:

Thời điểm	Sự kiện
Năm 1995	Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa tiền thân là Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa, thành lập ngày 22 tháng 7 năm 1995. Ban đầu vốn điều lệ của Công ty chỉ có 550 triệu và 10 lao động với hoạt động sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ như : mua xi măng thu vét, sắt thép, phế liệu, nhựa phế thải và sản xuất gạch block tiêu thụ trên địa bàn thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa, doanh thu những năm đầu 70 triệu đồng/năm, nộp ngân sách nhà nước 1,5 triệu đồng/năm.
Năm 2000	Công ty xây dựng xưởng xén, kẻ giấy và đóng sách vở học sinh, đã thu hút thêm 20 lao động làm việc. Mua phương tiện vận tải, mở rộng thêm ngành nghề dịch vụ vận tải và bốc dỡ hàng hóa, thị trường mở rộng ra toàn quốc, số lao động tăng lên 55 người.
Năm 2002	Công ty đầu tư cơ sở vật chất, tuyển dụng lao động, đào tạo công nhân sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu.
Năm 2003	Ngày 16/4/2003, một nghìn sản phẩm thủ công mỹ nghệ đầu tiên đã được xuất khẩu sang thị trường Australia.
Năm 2004	Tháng 6/2004, nhà máy sản xuất hàng gỗ mỹ nghệ xuất khẩu được xây dựng hoàn chỉnh, với vốn đầu tư 15 tỷ đồng, đi vào hoạt động hiệu quả đạt 130.000 - 150.000 sản phẩm mỗi năm. Giá trị hàng hóa xuất khẩu đạt 1.000.000USD/năm và được tiêu thụ trên 30 quốc gia trên thế giới. Các ngành nghề kinh doanh khác cũng được mở rộng.
Năm 2006	Công ty mua lại Nhà máy may xuất khẩu Sơn Hà tại thị xã Bim Sơn, Thanh Hóa của Công ty Cổ phần May 40 Hà Nội, diện tích 4,5ha, bước đầu chỉ có 210 lao động, sau đó tăng lên hơn 500 lao động.
Năm 2007	Tháng 7/2007, Công ty đầu tư thêm xí nghiệp may xuất khẩu Kim Tân tại thị trấn Kim Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, giá trị đầu tư 5 tỷ đồng, đủ chỗ làm việc cho hơn 200 lao động.
Năm 2008	Xây dựng giai đoạn II Nhà máy may xuất khẩu Sơn Hà tại thị xã Bim Sơn vốn đầu tư 50,2 tỷ đồng đủ chỗ làm việc cho 1.500 lao động
Năm 2009	Công ty tiếp tục đầu tư Nhà máy may Xuất khẩu Nga Sơn tại huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, vốn đầu tư 120 tỷ đồng, diện tích 3,5 ha, đủ chỗ làm việc cho 3.000 lao động.
Năm 2011	Công ty đầu tư Nhà máy may xuất khẩu Yên Định, diện tích hơn 3,1 ha, với vốn đầu tư 120 tỷ đồng, đủ chỗ làm việc cho 3.000 lao động.

Năm 2012	Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa thực hiện tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng thông qua các thành viên trong hội đồng thành viên tham gia góp vốn.
Năm 2013	Công ty tiếp tục thực hiện tăng vốn lên 348 tỷ đồng để tiếp tục đầu tư vào các nhà máy may xuất khẩu.
Năm 2014	Năm 2014 Công ty đầu tư xây dựng Nhà máy may Xuất khẩu Thọ Xuân tại huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa diện tích 3,8 ha, vốn đầu tư 150 tỷ đồng đủ chỗ làm việc cho 3.000 lao động. - Ngày 10/3/2014, Công ty chính thức chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH sang công ty cổ phần, lấy tên là Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa, với vốn điều lệ là 348 tỷ đồng, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 10/3/2014. - Ngày 29/10/2014 Công ty chính thức trở thành Công ty đại chúng quy mô lớn theo Công văn số 5947/UBCK-QLPH của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, về việc chấp thuận Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa là Công ty đại chúng quy mô lớn.
Năm 2017 - 2018	Công ty tiếp tục đầu tư xây dựng Nhà máy may xuất khẩu Triệu Sơn tại huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa với diện tích 3,6 ha, tổng vốn đầu tư 166 tỷ đồng, đủ chỗ làm việc cho 3.000 lao động.
Tháng 1/2020	Công ty khởi công xây dựng Nhà máy may Quý Lộc tại xã Quý Lộc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa với diện tích 4,22 ha, tổng vốn đầu tư 200 tỷ đồng, quy mô đáp ứng cho 2.000 lao động.
Tháng 3/2020	Công ty đã chuyển nhượng Nhà máy may xuất khẩu Thọ Xuân

Như vậy, ban đầu hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại tổng hợp và mua bán vật liệu xây dựng vận tải. Sau đó, dựa trên những việc nghiên cứu tình hình ở địa phương và thị trường, Công ty đã mở rộng sang lĩnh vực sản xuất hàng may mặc để xuất khẩu, và đến nay, ngành hàng này đã trở thành lĩnh vực sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty.

Sau 26 năm xây dựng và phát triển, Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa đã đạt được những thành tựu nhất định. Công ty đã từng bước khẳng định uy tín và sự tin cậy với các khách hàng trong và ngoài nước. Hiện tại Công ty có 05 nhà máy may cung ứng cả sản phẩm tiêu dùng trong nước và xuất khẩu với tổng giá trị đầu tư gần 1.000 tỷ đồng. Hiện tại, Công ty đang tiếp tục xây dựng thêm 01 nhà máy ở huyện Yên Định. Từ khi thành lập đến nay, Công ty luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm và chăm lo đời sống cho người lao động, hoàn thành vượt mức nghĩa vụ ngân sách Nhà nước, góp phần phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh Thanh Hóa và cả nước.

Bên cạnh đó, Công ty cũng có một lượng khách hàng lớn, thường xuyên ở cả trong và ngoài nước, chủ yếu đến từ: Hàn Quốc, Đài Loan, Mỹ, Nhật Bản ... và Công ty đang hướng mở rộng khách hàng đến các nước EU...

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

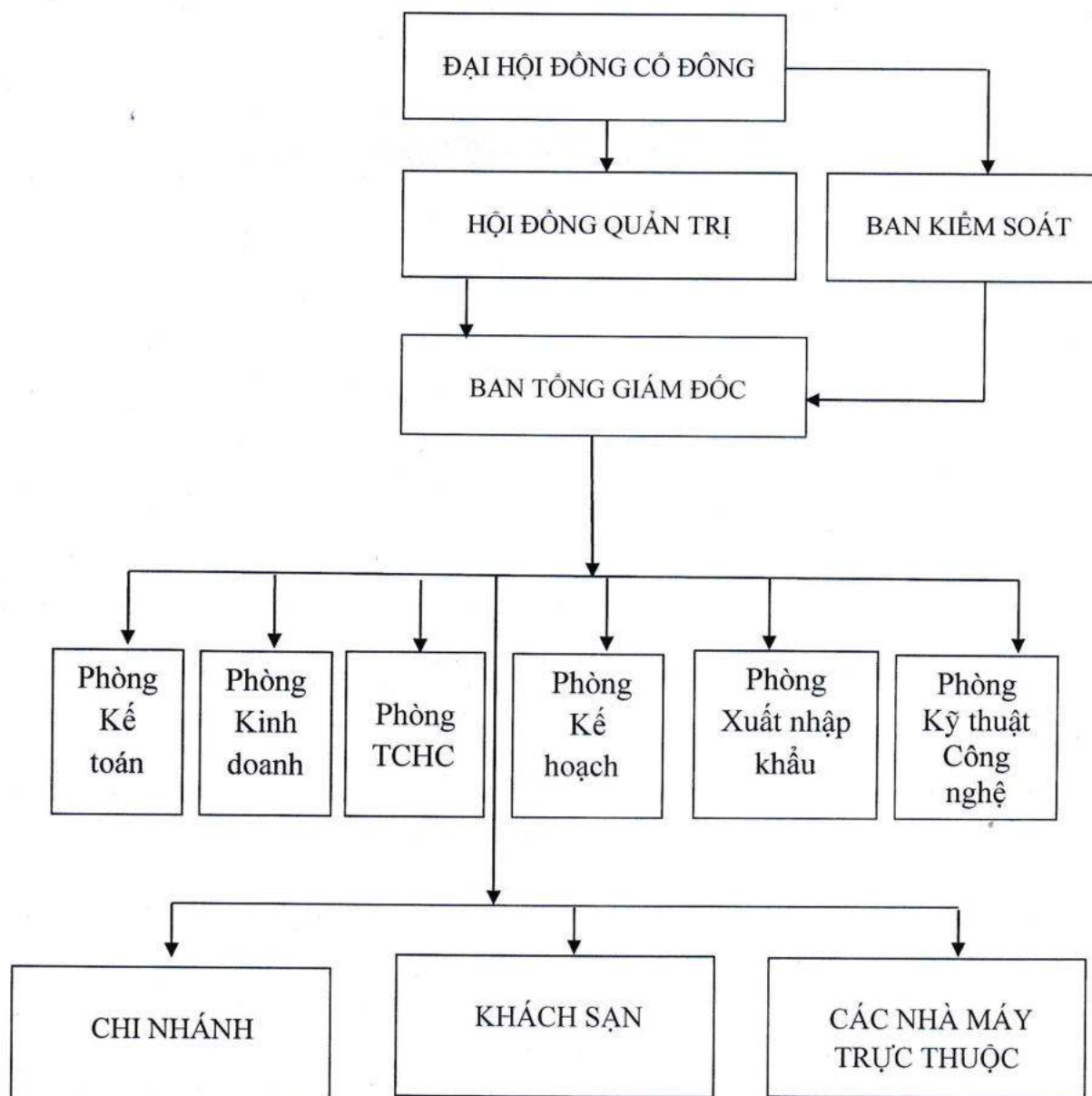
* Một số ngành nghề kinh doanh chính:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410 (Chính)
2	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
3	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân phối vào đâu. Chi tiết: kinh doanh hàng sơn mài mỹ nghệ, hàng công nghệ phẩm, hàng điện máy	4669
4	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
5	Xây dựng nhà các loại	4100
6	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
7	Bốc xếp hàng hóa	5224
8	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Dịch vụ nhà đất, cho thuê nhà xưởng, mua bán, trao đổi đất, đầu tư xây dựng nhà để bán, cho thuê; đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất để đổi đất lấy công trình hoặc cho thuê đất đã có hạ tầng	6810
9	Bán phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
10	Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa và động vật sống)	4620
11	Chuẩn bị mặt bằng	4312
12	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
13	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
14	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
16	Sản xuất giày, dép	1520
17	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú Chi tiết: Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	1420
18	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: kinh doanh giày dép và các sản phẩm từ da, kinh doanh vật tư và phụ kiện ngành may	4690
19	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm Chi tiết: Sản xuất vali, túi xách, ba lô và các loại tương tự	1512

- Địa bàn kinh doanh: Trên lãnh thổ Việt Nam và xuất khẩu cho các đối tác nước ngoài trên khắp thế giới.

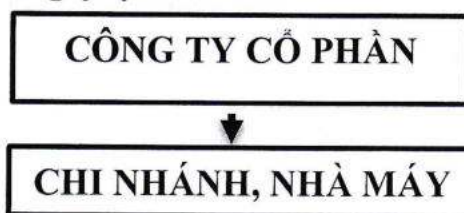
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

*** Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa**



*** Diễn giải cơ cấu bộ máy tổ chức, quản lý của Công ty:**

- Cơ cấu tổ chức của Công ty tại thời điểm 31/12/2020



❖ **Trụ sở chính Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa**

▪ Địa chỉ: Số 09, Khu công nghiệp Bắc Sơn Bim Sơn, Phường Bắc Sơn, Thị xã Bim Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

- Điện thoại: 0237 3770 304 Fax: 0237 3772 064
- Website: www.tiensonaus.com
- Email: congtytiensonth@gmail.com

❖ **Các chi nhánh, nhà máy**

Các Chi nhánh hoạt động theo ủy quyền của Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa và hạch toán kế toán phụ thuộc bao gồm 01 chi nhánh: Chi nhánh Tây Nguyên.

Các Nhà máy của Công ty: 05 Nhà máy đang hoạt động bao gồm Nhà máy may Xuất khẩu Sơn Hà, Nhà máy may Xuất khẩu Kim Tân, Nhà máy may Xuất khẩu Nga Sơn, Nhà máy may Xuất khẩu Yên Định, Nhà máy may Xuất khẩu Triệu Sơn.

❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên;
- Quyết định số Thành viên HĐQT;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

❖ **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty có 05 (năm) thành viên, trong đó có 02 (hai) thành viên là thành viên HĐQT độc lập, nhiệm kỳ tối đa của từng thành viên là 05 (năm) năm, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, Báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

* **Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trịnh Xuân Lâm	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Trịnh Xuân Lượng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Trịnh Văn Dương	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
4	Lê Văn Ngọc	Thành viên độc lập HĐQT
5	Lương Văn Quyết	Thành viên độc lập HĐQT

BKS là cơ quan có chức năng độc lập HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. BKS do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 (ba) thành viên, thay mặt ĐHĐCĐ để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và Pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

*** Danh sách Ban Kiểm soát:**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đình Bộ Lễ	Trưởng Ban kiểm soát
2	Trịnh Văn Tâm	Thành viên
3	Nguyễn Thị Giang	Thành viên

*** Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm 01 Tổng Giám đốc và 03 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm hỗ trợ Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật;

- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;

- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;

- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật;

- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;

- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;

- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

*** Danh sách Ban Tổng Giám đốc của Công ty:**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trịnh Xuân Lượng	Tổng Giám đốc
2	Trịnh Văn Dương	Phó Tổng Giám đốc
3	Lê Đăng Thuyết	Phó Tổng Giám đốc
4	Trịnh Xuân Dưỡng	Phó Tổng Giám đốc

*** Các phòng ban chức năng**

*** Phòng Kế toán**

Phòng Tài chính – Kế toán có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty; báo cáo trực tiếp lên Tổng Giám đốc; thông qua tình hình tài chính giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền.

- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ.

- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính.

- Phân tích tình hình tài chính trong khai thác mỏ, tham mưu những biện pháp cho kế hoạch tài chính của Ban Tổng Giám đốc.

*** Phòng Kinh doanh**

Phòng Kinh doanh có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổ chức xây dựng các kế hoạch kinh doanh và tham mưu cho Hội đồng quản trị cũng như Ban Tổng Giám đốc định hướng phát triển trong trung và dài hạn của Công ty. Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh của từng phòng ban, từng đơn vị, phòng sẽ lập kế hoạch kinh doanh tổng thể trong từng quý, từng năm để trình Ban Tổng Giám đốc xem xét phê duyệt

- Lập phương án, soạn thảo quy chế, quy định việc tiêu thụ sản phẩm.

- Nghiên cứu, điều tra thị trường, xây dựng chính sách giá cả, tổ chức mạng lưới, thông tin quảng cáo tiếp thị và hỗ trợ xúc tiến phát triển sản phẩm.

- Tổ chức, quản lý mạng lưới các đơn vị, đại lý tiêu thụ sản phẩm, báo cáo tình hình tổ chức thông tin quảng cáo tiếp thị, xúc tiến sản phẩm, điều tra thị trường, xây dựng chính sách giá cả, báo cáo tình hình tiêu thụ.

*** Phòng Tổ chức Hành chính**

Phòng Tổ chức Hành chính có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty.

- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty.

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được nhà nước ban hành.

- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại.

- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

*** Phòng Kế hoạch**

- Hướng dẫn cho các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch năm của mỗi đơn vị. Tổng hợp các số liệu và lấy ý kiến của các phòng nghiệp vụ, các đơn vị để tham mưu cho Tổng Giám đốc xây dựng kế hoạch hoạt động SXKD cho kế hoạch năm.

- Thực hiện các thủ tục pháp lý về công tác hợp đồng kinh tế và các dự án đầu tư. Thường xuyên kiểm tra đôn đốc việc thực hiện hợp đồng đã ký kết, phát hiện kịp thời những vấn đề phát sinh, những bất hợp lý để tham mưu cho TGD xử lý. Khi hợp đồng thực hiện xong phải nghiệm thu đưa vào sử dụng đồng thời tiến hành thủ tục thanh lý hợp đồng để làm cơ sở thanh toán giữa các bên, thanh toán công nợ.

- Đôn đốc kiểm tra giám sát trong suốt quá trình triển khai kế hoạch; phát hiện kịp thời các khó khăn, vướng mắc tham mưu cho TGD khắc phục điều hòa kịp thời phù hợp với tình hình thực tế. Tổng hợp kết quả sản xuất theo từng hạng mục công việc và từng kỳ.

- Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ báo cáo thống kê về kinh tế kế hoạch theo quy định của công ty, của ngành và của Nhà nước.

*** Phòng Xuất nhập khẩu**

Phòng Xuất nhập khẩu có nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tham mưu giúp Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện quản lý về công tác chuyên môn, nghiệp vụ xuất nhập khẩu;

- Giao thương và hợp tác quốc tế;

- Thực hiện các dịch vụ kinh doanh xuất nhập khẩu theo ủy quyền của Tổng Giám đốc Công ty và theo quy định của pháp luật;

- Định hướng chiến lược kinh doanh xuất nhập khẩu;

- Nghiên cứu theo dõi các chủ trương chính sách xuất nhập khẩu, thuế của Nhà nước ban hành để tổ chức triển khai và thực hiện đúng quy định;

- Thực hiện chức năng quản lý thương hiệu của Công ty. Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa trong nước và các nước, vùng lãnh thổ mà Công ty có khả năng xuất khẩu;

- Phối hợp với các phòng ban, đơn vị có liên quan để giới thiệu, chào bán sản phẩm, dịch vụ của Công ty tại các hội chợ triển lãm nước ngoài, khảo sát thị trường, trao đổi nghiệp vụ, thu thập thông tin nhằm mở rộng thị trường quốc tế.

*** Phòng Kỹ thuật công nghệ**

Phòng Kỹ thuật công nghệ có nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc về công tác kỹ thuật, công nghệ, định mức và chất lượng sản phẩm.

- Thiết kế, triển khai giám sát về kỹ thuật các sản phẩm làm cơ sở để hạch toán, đấu thầu và ký kết các hợp đồng kinh tế.

- Kết hợp với phòng Kế hoạch vật tư theo dõi, kiểm tra chất lượng, số lượng hàng hóa vật tư khi mua vào hoặc xuất ra.

- Kiểm tra, giám sát, nghiệm thu chất lượng sản phẩm

- Thiết kế, triển khai thi công sản phẩm ở các khâu sản xuất. Tổ chức quản lý, kiểm tra công nghệ và chất lượng sản phẩm, tham gia nghiệm thu sản phẩm.

- Căn cứ hợp đồng kinh tế lập phương án kỹ thuật, khảo sát, lên danh mục, hạng mục cung cấp cho phòng kinh doanh để xây dựng giá thành sản phẩm. Quản lý và kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị thực hiện các mặt hàng, sản phẩm theo đúng mẫu mã, quy trình kỹ thuật, nhiệm vụ thiết kế theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Là đơn vị chịu trách nhiệm chính về mặt kỹ thuật đối với các sản phẩm xuất xưởng.

- Tham gia vào việc kiểm tra xác định định mức lao động trong các công việc, các công đoạn sản xuất và xác nhận lệnh sản xuất. Trực tiếp làm các công việc về đăng ký, đăng kiểm chất lượng hàng hóa, sản phẩm thi công tại Công ty. Quản lý chỉ đạo về an toàn kỹ thuật trong sản xuất.

- Kiểm tra các định mức khối lượng, chất lượng, kỹ mỹ thuật của sản phẩm để xuất xưởng; làm cơ sở quyết toán và thanh lý hợp đồng kinh tế. Lưu trữ hồ sơ kỹ thuật, đảm bảo bí mật công nghệ sản phẩm truyền thống.

- Nghiên cứu cải tiến các mặt hàng, sản phẩm của công ty đang sản xuất để nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm. Quản lý các định mức kỹ thuật (mức tiêu hao năng lượng, vật tư và nguyên vật liệu của các sản phẩm ...)

- Xây dựng kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa lớn thiết bị của các đợ vị theo định kỳ. Quản lý, lưu trữ hồ sơ kỹ thuật các sản phẩm đã sản xuất, giữ gìn bí mật công nghệ.

- Nghiên cứu xây dựng danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm và định mức kỹ thuật áp dụng trong công ty. Phối hợp với các đơn vị liên quan tham gia Hội đồng khảo thí tay nghề nâng bậc lương công nhân kỹ thuật. Biên soạn tài liệu về công nghệ kỹ thuật để đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ tay nghề cho cán bộ công nhân viên.

- Theo dõi, đối chiếu các hạng mục trong quá trình sản xuất, mức tiêu hao vật tư nguyên liệu để làm cơ sở thanh lý hợp đồng kinh tế giữa công ty với khách hàng.

- Trực tiếp báo cáo Tổng giám đốc Công ty về chất lượng, số lượng, các chỉ số hao hụt vật tư, nguyên liệu khi mua vào, xuất ra phục vụ sản xuất. Theo dõi tiêu hao nguyên vật liệu cũng như tiết kiệm vật tư nguyên nhiên liệu trong sản xuất kinh doanh.

- Xác nhận về thời gian hoàn thành chất lượng công việc của tất cả các lệnh sản xuất để làm cơ sở thành toán tiền lương, tiền công cho công nhân.

- Soạn thảo, xây dựng quy trình công nghệ để thi công các sản phẩm.

- Phối hợp cùng các phòng ban nghiệp vụ, đơn vị trực thuộc trong công tác tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác thi nâng bậc công nhân hàng năm.

- Tổng hợp báo cáo kịp thời về công tác chuyên môn theo quy định.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi Lãnh đạo yêu cầu.

*** Chi nhánh, các nhà máy sản xuất.**

- Thực hiện các chức năng nhiệm vụ do Ban Lãnh đạo Công ty phân công và do các Phó Tổng Giám đốc trực tiếp chỉ đạo điều hành sản xuất, gia công các sản phẩm may mặc. Hiện tại, Công ty có 01 chi nhánh, 05 nhà máy may.

*** Thông tin về các nhà máy:**

Nhà máy may xuất khẩu Sơn Hà:

Địa chỉ: Số 9 Khu công nghiệp Bắc Sơn
Bim Sơn, Phường Bắc Sơn, Thị xã Bim Sơn,
Thanh Hóa.

Diện tích: 4,5 ha

Xây dựng năm: 2006

Tổng vốn đầu tư: 50,2 tỷ đồng

Đầu tư xây dựng: 30 tỷ đồng

Đầu tư máy móc: 12 tỷ đồng

Đầu tư khác: 8,2 tỷ đồng

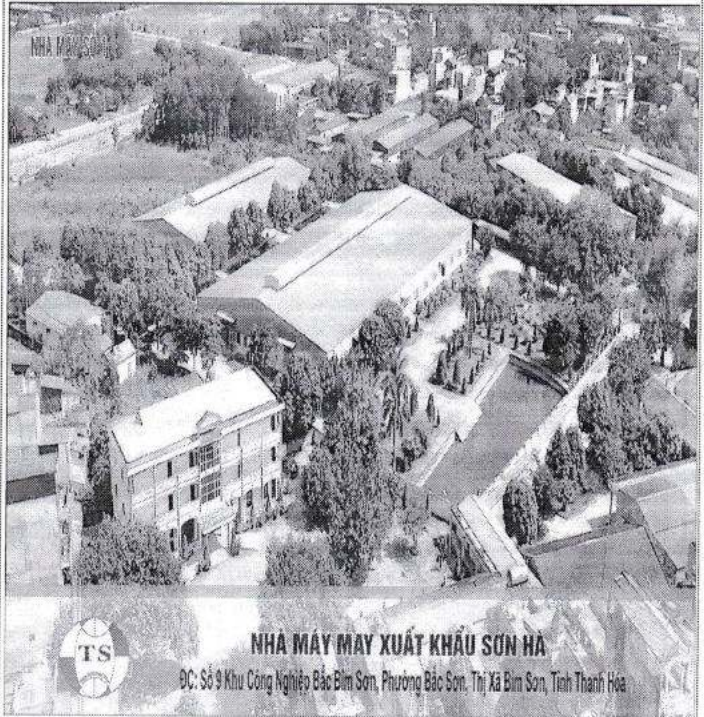
Quy mô lao động: 1.000 lao động

Công suất: 8.000.000 sản phẩm

Sản phẩm chủ yếu: Quần áo thể thao,
áo jacket, sportware, Jacket

Lao động hiện có: 800 lao động

Chuyên sản xuất: 15 chuyên

*** Hình ảnh nhà máy may xuất khẩu Sơn Hà:****Nhà máy may xuất khẩu Kim Tân:**

Địa chỉ: Khu 6, Thị trấn Kim Tân,
Huyện Thạch Thành, Thanh Hóa

Diện tích: 0,5 ha

Năm xây dựng: 2007

Tổng vốn đầu tư: 5 tỷ đồng

Đầu tư xây dựng: 3 tỷ đồng

Đầu tư máy móc: 1 tỷ đồng

Đầu tư khác: 1 tỷ đồng

Quy mô lao động: 300 lao động

Công suất: 500.000 sản phẩm

Sản phẩm chủ yếu: Quần âu, áo sơ mi.

Lao động hiện có: 200 lao động

Chuyên sản xuất: 6 chuyên

*** Hình ảnh nhà máy may xuất khẩu Kim Tân:**

Nhà máy may xuất khẩu Nga Sơn:

Địa chỉ: Thị trấn Nga Sơn, Huyện Nga Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

Diện tích: 3,5 ha

Xây dựng năm 2009

Tổng vốn đầu tư: 120 tỷ đồng

Đầu tư xây dựng: 74 tỷ đồng

Đầu tư máy móc: 31 tỷ đồng

Đầu tư khác: 15 tỷ đồng

Quy mô lao động: 3.000 lao động

Công suất: 5.000.000 sản phẩm

Sản phẩm chủ yếu: Quần, áo sơ mi, váy các loại.

Lao động hiện có: 2.500 lao động

Chuyên sản xuất: 39 chuyên

*** Hình ảnh nhà máy may xuất khẩu Nga Sơn:**



Nhà máy may xuất khẩu Yên Định:

Địa chỉ: Xã Định Liên, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hóa.

Diện tích: 3 ha

Năm xây dựng: 2011

Tổng vốn đầu tư: 120 tỷ đồng

Đầu tư xây dựng: 84 tỷ đồng

Đầu tư máy móc: 21 tỷ đồng

Đầu tư khác: 15 tỷ đồng

Quy mô lao động: 3.000 lao động

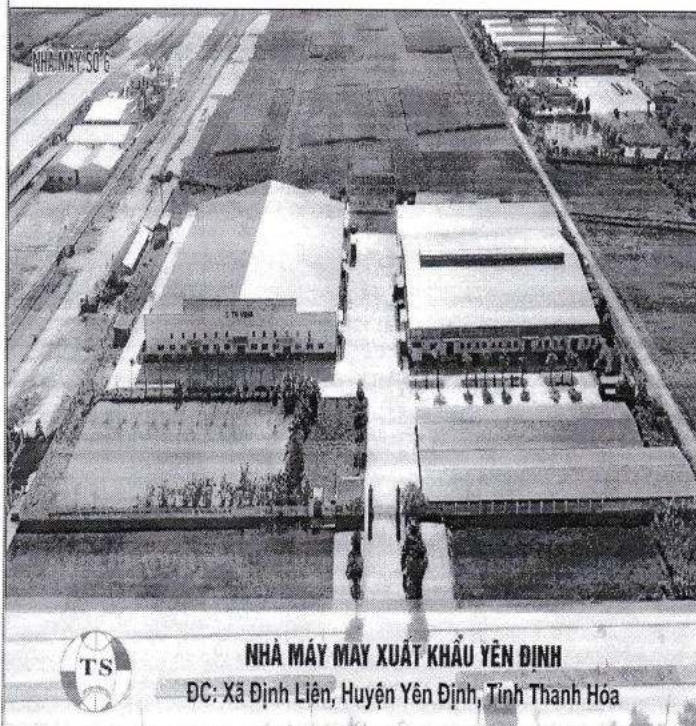
Công suất: 5.000.000 sản phẩm

Sản phẩm chủ yếu: Áo thun, áo sơ mi, quần âu, dệt kim.

Lao động hiện có: 2.000 lao động

Chuyên sản xuất: 35 chuyên

*** Hình ảnh nhà máy may xuất khẩu Yên Định:**



Nhà máy may xuất khẩu Triệu Sơn:

Địa chỉ: Xã Vân Sơn, Huyện Triệu Sơn,

Tỉnh Thanh Hóa

Diện tích: 3,6 ha

Xây dựng năm: 2017

Tổng vốn đầu tư: 166 tỷ đồng

Đầu tư xây dựng: 107 tỷ đồng

Đầu tư máy móc: 35 tỷ đồng

Đầu tư khác: 24 tỷ đồng

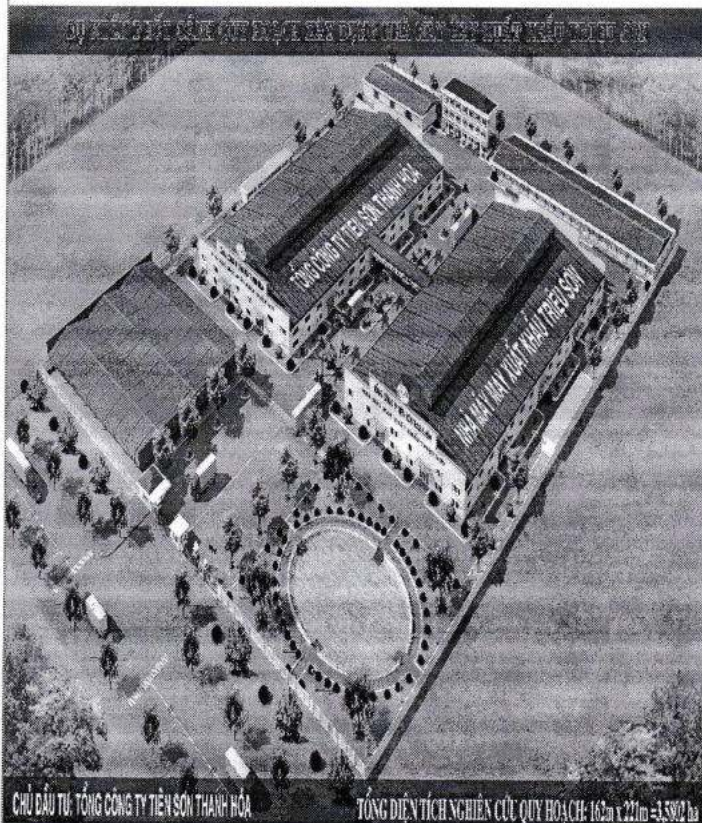
Quy mô lao động: 3.000 lao động

Công suất: 5.000.000 sản phẩm

Sản phẩm chủ yếu: Quần âu, áo sơ mi, dệt kim.

Lao động hiện có: 1.000 lao động

Chuyên sản xuất: 20 chuyên

*** Hình ảnh nhà máy may xuất khẩu Triệu Sơn:***** Các công ty con, công ty liên kết:***** Các Công ty con**

Không có

*** Các Công ty liên kết****Tên Công ty: Công ty Cổ phần Lương Phát**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2801447298, do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 11/11/2009, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 26/12/2014.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 12 Phùng Hưng, phường Phú Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam.

- Điện thoại : 0904 783 888

Email: ctyluongphat@gmail.com

- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất các cấu kiện kim loại

- Vốn điều lệ đăng ký: 160.000.000.000 đồng

- Vốn điều lệ thực góp: 160.000.000.000 đồng

- Vốn thực góp của AAT: 67.322.000.000 đồng, tương đương 42,08% vốn điều lệ thực góp.

- Tỷ lệ biểu quyết của AAT tại Công ty Cổ phần Lương Phát: 42,08%

4. Định hướng phát triển:

- Tập trung sự chỉ đạo, điều hành vào các lĩnh vực chính có doanh thu và lợi nhuận cao
- Đối với ngành may xuất khẩu: khai thác triệt để lợi thế của các hiệp định thương mại tự do, tìm kiếm đối tác có tiềm năng để mở rộng thị trường xuất khẩu sang EU để tăng tỷ trọng doanh thu. Đối với các thị trường truyền thống khai thác các mặt hàng gia công có giá trị cao, số lượng lớn. Tiếp tục đầu tư về công nghệ, cải tiến dây chuyền sản xuất, nâng cao năng suất lao động.

- Đối với ngành nông sản: phát huy những lợi thế đang có phát triển thêm các kênh phân phối, tham gia các chương trình xúc tiến đầu tư với nước ngoài để mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng tỷ trọng doanh thu đáng kể so với 2020.
- Về lĩnh vực đầu tư xây dựng nhà xưởng để cho thuê: Công ty tiếp tục tìm kiếm quỹ đất để đầu tư xây dựng cụm công nghiệp, đầu tư thêm nhà máy để đón các nhà đầu tư nước ngoài theo hướng dịch chuyển đầu tư từ Trung Quốc sang Việt Nam.
- Tập trung phát triển và nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty để tận dụng cơ hội thị trường Quốc tế.
- Đẩy nhanh việc áp dụng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu hội nhập trong ngành dệt may. Chú trọng đến chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm ra thị trường quốc tế;
- Đầu tư công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại để đáp ứng với thời đại 4.0, phấn đấu tự động hóa tất cả các quá trình may mặc tới 50% - 60%, quy trình quản lý sản xuất tinh gọn để đạt được tăng trưởng đột phá về năng suất lao động;
- Chuyển dần từ may gia công trực tiếp sang hình thức sản xuất toàn bộ các sản phẩm và giao sản phẩm FOB tại các cảng cho các hãng thời trang Quốc tế đặt hàng để tăng doanh thu và lợi nhuận.
- Tăng cường liên kết với đối tác cùng ngành nghề, liên minh liên kết với các đối tác chiến lược nhằm trao đổi kinh nghiệm, học hỏi công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh;
- Phát triển cụm công nghiệp: Nằm trong vùng Bắc Trung Bộ, tỉnh Thanh Hoá đang có xu thế phát triển kinh tế - xã hội năng động và toàn diện, đặc biệt ưu tiên phát triển công nghiệp nhằm chuyển đổi các ngành kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hoá và hiện đại hoá. Đây được xác định là trung tâm và cực tăng trưởng của vùng kinh tế trung du miền núi với tính chất là đô thị công nghiệp – thương mại, dịch vụ – du lịch. Hiện tại, Công ty đang triển khai một số dự án mới và đầu tư Cụm công nghiệp trong tỉnh Thanh Hóa.
- Định hướng phát triển của Công ty là hoàn toàn phù hợp và sẽ tận dụng được tối đa những ưu đãi của Chính phủ đối với ngành may mặc. Trong đó, đáng chú ý nhất là việc Công ty sẽ tăng dần tỷ trọng nhóm hàng gia công có tỷ suất lợi nhuận cao. Như đã phân tích ở trên, đây là một xu hướng phát triển tất yếu không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn thế giới của các công ty may mặc khi đã đạt đến một mức độ phát triển nhất định, và với AAT, đây chính xác là thời điểm vàng để bắt đầu quá trình phát triển. Ở AAT hiện đã hội tụ đầy đủ các yếu tố về mặt con người (đội ngũ quản lý kinh nghiệm và lao động tay nghề cao), máy móc công nghệ (các thiết bị và công nghệ sản xuất đều thuộc hàng tiên tiến nhất trong ngành may mặc tại Việt Nam), nguồn vốn, và lại ở trong giai đoạn đầu của kế hoạch phát triển ngành may mặc với nhiều ưu đãi từ phía cơ quan chủ quản. Không chỉ có vậy, trên bình diện khu vực và quốc tế, một loạt các hiệp định thương mại đã có hiệu lực như Hiệp định Đối tác Toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU EVFTA, Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) sẽ mở toang cánh cửa vào một loạt các thị trường đầy tiềm năng với mức thuế suất vô cùng ưu đãi. Do đó, có thể khẳng định, với kế hoạch AAT đã đề ra cùng tầm nhìn chiến lược của ban điều hành Công ty, triển vọng phát triển trong thời gian tới của AAT

5. Các rủi ro ảnh hưởng tới công ty:

*** Rủi ro về kinh tế ***

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng trong nó những rủi ro tiềm tàng nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản của nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, dịch bệnh... Doanh nghiệp - một trong những chủ thể tham gia vào nền kinh tế không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ thay đổi của các nhân tố ấy.

*** Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới**

Năm 2021 tiếp tục là một năm khó khăn cho nền kinh tế toàn cầu, do những bất định của dịch Covid-19 chưa có hồi kết, kéo theo thị trường tài chính nhiều rủi ro gia tăng, thị trường dầu mỏ, giá vàng, đồng USD... có thể biến động thất thường, nền kinh tế thế giới sẽ đối diện với những thách thức đan xen.

Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) nhận định, triển vọng kinh tế thế giới năm 2021 vẫn khó lường khi đại dịch Covid-19 tiếp tục gây ra thiệt hại đáng kể cho các nền kinh tế với mức độ và thời gian tác động khác nhau ở mỗi quốc gia.

OECD dự báo, năm 2021, tăng trưởng kinh tế toàn cầu có thể đạt mức 5%, trong khi Tổ chức Oxford Economics dự báo, mức tăng trưởng toàn cầu là 5,4%. Ngân hàng Đầu tư Goldman Sachs dự báo, kinh tế toàn cầu có thể phục hồi theo hình chữ V với mức tăng GDP 6% vào năm 2021 và 4,6% vào năm 2022. Tuy nhiên, trong một kịch bản bất lợi hơn với giả định các nước tiếp tục áp dụng các biện pháp phong tỏa mới trong thời gian tới, GDP toàn cầu sẽ tiếp tục giảm sâu trở lại.

Trên thị trường tài chính quốc tế, các biện pháp chống đỡ dịch Covid-19 của các quốc gia như cắt giảm lãi suất tiền tệ và/hoặc nới lỏng tài chính tiền tệ thông qua các gói hỗ trợ tài chính lên tới hàng nghìn tỷ USD. Nếu đạt hiệu quả, các gói hỗ trợ này sẽ giúp tăng sức chống chịu của nền kinh tế, tăng niềm tin của xã hội vào triển vọng cơ hội đầu tư và duy trì tăng trưởng kinh tế, kiểm soát thất nghiệp...

Tỷ giá đồng USD đang ở ngưỡng thấp nhất trong 3 năm trở lại đây khi một loạt vắc-xin phòng, ngừa dịch Covid-19 cho kết quả thử nghiệm khả quan. Thị trường chứng khoán thế giới đã tăng điểm mạnh và các tài sản có độ rủi ro cao hơn khác cũng đồng loạt tăng giá.

Ngoài ra, đồng USD còn chịu sức ép mất giá từ việc ông Joe Biden đắc cử Tổng thống Mỹ. Quốc hội Mỹ có thể sắp thông qua một gói kích cầu kinh tế mới và Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) cam kết duy trì chính sách tiền tệ "siêu lỏng lẻo" để vực dậy nền kinh tế số 1 toàn cầu.

Các chuyên gia tài chính nhận định rằng, nhiều khả năng đồng USD sẽ tiếp tục đà suy giảm trong năm 2021. Ngân hàng Citigroup cho rằng, đồng USD có nguy cơ giảm 20% trong năm 2021, trong khi tổ chức tài chính ING cũng dự báo, đồng USD sẽ mất giá từ 5-10% trong năm 2021.

*** Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam**

Với tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2020 tăng 2,91% so với năm trước, Việt Nam thuộc nhóm nước có tăng trưởng cao nhất thế giới. Trong bối cảnh dịch COVID-19 ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế xã hội thì đây là thành công lớn.

Cũng theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP quý 4-2020 tăng 4,48% so với cùng kỳ năm trước. Có được mức tăng trưởng khởi sắc này do chúng ta đã kiểm soát chặt chẽ dịch COVID-19, nền kinh tế từng bước hoạt động trở lại trong điều kiện bình thường mới.

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và EU có hiệu lực từ ngày 1-8-2020 tạo động lực tăng trưởng cho nền kinh tế. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,69%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,60%, khu vực dịch vụ tăng 4,29%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 1,07% so với cùng kỳ năm trước.

Trong năm 2020, tăng trưởng kinh tế cho thấy sự ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh, phụ thuộc vào diễn biến dịch bệnh. Trong đó, quý 1 tăng 3,68%, quý 2 tăng 0,39%, quý 3 tăng 2,69%, quý 4 tăng 4,48%.

*** Rủi ro lãi suất**

Năm 2020, giới phân tích chung nhận định rằng lãi suất sẽ tiếp tục giảm và một trong những nguyên nhân đến từ động thái cắt giảm lãi suất của Ngân hàng Nhà nước trong nửa cuối năm 2019.

Cụ thể, trong một báo cáo công bố mới đây, Công ty Chứng khoán SSI dự báo lãi suất huy động ngắn hạn sẽ giảm trong năm 2020. Điều này là do đợt cắt giảm lãi suất gần đây vào tháng 11/2019, khi mức trần lãi suất đã giảm từ 1% xuống còn 0,8%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng và từ 5,5% còn 5%/năm đối với kỳ hạn 1-6 tháng.

Không chỉ giảm ở kỳ hạn ngắn, lãi suất huy động kỳ hạn dài cũng được dự báo sẽ giảm trong năm nay.

SSI ước tính lãi suất huy động dài hạn tại các ngân hàng có vốn cấp 2 lớn sẽ giảm khoảng 0,5 – 1 điểm%, do áp lực tăng tiền gửi có thể giảm bớt nhờ triển vọng tăng trưởng tín dụng thấp hơn vào năm 2020 và việc bổ sung tiền gửi dài hạn gần đây mà đã làm tăng lãi suất huy động vào tháng 11/2019.

Ngoài ra, thanh khoản trên thị trường có thể dồi dào nhờ dòng vốn FDI, FII và kiều hối sẽ vẫn ổn định trong bối cảnh nới lỏng chính sách tiền tệ tiếp diễn trên nhiều quốc gia. Tuy nhiên, theo SSI, sẽ có một số ít các ngân hàng ngoại lệ sẽ tăng lãi suất để cạnh tranh về mặt huy động, nhất là các ngân hàng có tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn cao.

*** Rủi ro tỷ giá**

Tỷ giá VND/USD diễn biến ổn định giao động quanh một biên hẹp trong suốt năm 2019. Mức biến động cao nhất chỉ xấp xỉ trên 1% vào thời điểm đầu năm và gần như diễn biến đi ngang trong các tháng cuối năm.

Trong năm 2020, MBS dự báo đồng USD nhiều khả năng sẽ giữ xu hướng dao động đi ngang khi Cục dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sẽ giữ quan điểm giữ nguyên lãi suất sau ba lần giảm trong năm 2019. Đồng thời, tăng trưởng Kinh tế Mỹ năm tới sẽ ở mức trung bình sẽ không hỗ trợ cho đà tăng hay giảm của USD một cách rõ rệt.

"Điều này khiến sức ép lên VND không quá mạnh và do đó, chúng tôi đánh giá NHNN sẽ chỉ tăng nhẹ tỷ giá VND/USD thêm từ 1 – 1,5% trong năm 2020, phù hợp với sự chênh lệch lạm phát giữa Việt Nam và Mỹ trong năm 2020", nhóm phân tích của MBS nhận định.

Nhìn chung, MBS cho rằng NHNN vẫn phải cân đối hai mục tiêu là ổn định vĩ mô và hỗ trợ xuất khẩu, do đó không có động lực hạ giá hay tăng giá VND quá mạnh nếu không chịu sức ép từ lạm phát hoặc từ môi trường kinh tế thế giới.

Trong khi đó, cán cân thương mại của Việt Nam thặng dư khoảng 9,94 tỉ USD trong năm 2019 nên đã tạo ra sự hỗ trợ vững chắc cho công tác ổn định tỷ giá tại Việt Nam của NHNN.

*** Rủi ro về luật pháp**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, các chính sách thuế, hải quan; bên cạnh đó, Công ty còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của thị trường chứng khoán Việt Nam. Hiện tại một số luật, chế tài, chính sách đang được đổi mới, điều đó yêu cầu Công ty cần phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng hơn để đáp ứng những yêu cầu này.

Bên cạnh đó, Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa phải đáp ứng các yêu cầu của nước nhập khẩu và đặc biệt là yêu cầu của khách hàng về chất lượng của sản phẩm... Công ty còn chịu sự điều chỉnh của luật pháp liên quan của các nước thị trường xuất khẩu. Điển hình là các chính sách về thuế nhập khẩu, hạn ngạch. Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) chính thức có hiệu lực với Việt Nam từ ngày 14/1/2019, mang đến cơ hội cho hàng Việt xuất sang các nước đã phê chuẩn CPTPP (Mexico, Nhật Bản, Singapore, New Zealand, Canada và Australia) với những ưu đãi thuế quan, được hưởng lợi lớn nhất là ngành dệt may. Hàng Việt Nam xuất sang các nước đã phê chuẩn CPTPP và hàng của các nước này vào Việt Nam sẽ hưởng mức thuế mới. Mỗi mặt hàng sẽ có một mức thuế cụ thể, cắt giảm theo lộ trình. Theo tính toán, trung bình mức thuế được cắt giảm khoảng hơn 60% cho lần đầu tiên; sau 3 năm sẽ lên đến trên 80%. Và cũng từ ngày 14/1/2019, mỗi cá nhân hoặc doanh nghiệp Việt Nam có thể nhập hàng hoá có giá trị dưới 1.000 USD từ các nước CPTPP và có thể yêu cầu được miễn thuế hoàn toàn theo mức thuế ưu đãi của Hiệp định. Bên cạnh việc cắt giảm thuế, các doanh nghiệp may mặc Việt Nam còn có cơ hội mở rộng thị trường sang những nước mà hàng Việt chưa tiếp cận được nhiều như Canada, Mexico, Australia...

Ngoài ra, ngành dệt may chịu sự điều chỉnh nghiêm ngặt bởi các quy định về bảo vệ môi trường: các quy chuẩn về nước thải công nghiệp, nước thải dệt may, hay vấn đề sử dụng lao động. Đặc biệt, trong năm 2014, Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam đến 2020, tầm nhìn đến 2030, theo đó, việc phát triển ngành dệt may phải gắn liền với việc lựa chọn công nghệ phù hợp, đảm bảo nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời hạn chế tác động, gây ô nhiễm môi trường. Như vậy, xu hướng sự điều chỉnh, giám sát của hệ thống pháp lý Việt Nam đang dần trở nên khắt khe, chặt chẽ hơn. Công ty cũng phải chú ý hơn trong việc đáp ứng các đòi hỏi mà khung pháp lý đưa ra.

*** Rủi ro đặc thù**

*** Rủi ro cạnh tranh và rủi ro thị trường**

Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa cũng như các doanh nghiệp may mặc Việt Nam nói chung đang chịu sự cạnh tranh rất gay gắt từ các đối thủ cũng hoạt động trong lĩnh vực may xuất khẩu từ Ấn Độ, Indonesia, Bangladesh, Campuchia, Myanmar... có lợi thế về chi phí nhân công rẻ và được hưởng ưu đãi về thuế quan. Không chỉ từ phía nước ngoài, ngay cả các doanh nghiệp xuất khẩu hàng may mặc trong nước với thương hiệu lâu năm cũng là những đối thủ của nhau. Áp lực cạnh tranh đòi hỏi Công ty phải đảm bảo chất lượng, giá thành và tiến độ thực hiện hợp đồng.

*** Rủi ro nguồn nhân lực**

Là một ngành thâm dụng lao động, yếu tố nhân lực đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của các công ty may mặc. Tuy nhiên, theo đánh giá của Hiệp hội may mặc Việt Nam, nhân lực ngành May mặc hiện đang thiếu chuyên gia trung và cao cấp, thiếu tạm thời nguồn lao động tại các thành phố lớn và khu công nghiệp. Thêm vào đó, sự đầu tư mạnh mẽ của các doanh nghiệp may mặc có vốn đầu tư nước ngoài, các ngành giày da, điện tử phát triển, tạo nên sự cạnh tranh gay gắt về nhân công cùng với tình trạng chuyển dịch lao động phổ biến trong ngành cũng ảnh hưởng đến sự ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp may mặc. Nhận thức được đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, có kỹ năng tay nghề cao là yếu tố quyết định mang lại thành công cho doanh nghiệp, AAT luôn chú trọng đào tạo đội ngũ nhân viên theo đúng mục tiêu đã đặt ra thông qua các chương trình hỗ trợ phát triển kỹ năng nghề nghiệp và trình độ quản lý. Đồng thời, Công ty cũng tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, chế độ đãi ngộ thỏa đáng cũng như quan tâm chăm sóc đời sống tinh thần để tạo điều kiện cho người lao động phát huy tối đa năng lực cá nhân và có cơ hội phát triển nghề nghiệp. Với chiến lược đó, Công ty đã xây dựng được một đội ngũ nhân viên có trình độ tay nghề cao, đáng tin cậy và gắn bó lâu dài để thực hiện các mục tiêu phát triển.

Thanh Hóa là một tỉnh đông dân cư (gần 4 triệu dân), các nhà máy sản xuất của AAT đều đặt tại các khu vực nông thôn, vì thế Công ty luôn có nguồn lao động dồi dào và không chịu rủi ro về sự thiếu hụt nguồn nhân lực. Đây là rủi ro so với những Doanh nghiệp khác cùng ngành nhưng đối với Tiên Sơn Thanh Hóa lại là một lợi thế lớn.

*** Rủi ro về biến động giá cổ phiếu**

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, việc biến động giá cổ phiếu không chỉ phụ thuộc vào kết quả hoạt động của Công ty mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như: tình hình thực hiện công bố thông tin, tình hình cung cầu của thị trường đối với cổ phiếu của Công ty, tình hình thị trường chứng khoán nói chung... Để giảm thiểu một cách tối đa rủi ro có thể xảy ra đối với biến động của giá cổ phiếu, ngay từ giai đoạn chuẩn bị hồ sơ đăng ký niêm yết, Công ty đã ban hành Quy chế công bố thông tin nhằm ràng buộc trách nhiệm của các cá nhân liên quan đến việc công bố thông tin của Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ và kịp thời những quy định về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

*** Rủi ro khác**

*** Rủi ro bất khả kháng**

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty tham gia mua bảo hiểm cho tài sản và các kho hàng hóa, nguyên vật liệu.

Hỏa hoạn là rủi ro nguy hiểm với mọi doanh nghiệp song với công ty may mặc, nguyên vật liệu, thành phẩm đều là vật liệu dễ bắt lửa. Do vậy, công tác phòng chống cháy nổ luôn được Công ty chú trọng đặt lên hàng đầu. Từng nhà xưởng, phòng ban của Công ty được trang bị đầy đủ các thiết bị chữa cháy, mọi người lao động đều được trang bị kiến thức, kỹ năng chữa cháy, kỹ năng thoát hiểm. Bên cạnh đó, Công ty còn thường xuyên phối hợp với các đơn vị chức năng trong việc tổ chức diễn tập PCCC, góp phần nâng cao kiến thức cho người lao động khi tình huống xấu xảy ra.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu thuần năm 2020

STT	Khoản mục	Năm 2020		% Tăng giảm doanh thu 2020/2019
		Giá trị	Tỷ trọng	
1	Doanh thu hoạt động gia công	9,802,998,866	17.35%	45.77%
2	Doanh thu hoạt động cho thuê nhà xưởng	39,543,495,290	13.77%	95.81%
3	Doanh thu hoạt động kinh doanh khách sạn	33,945,446	0.01%	43.93%
4	Doanh thu hoạt động thương mại	188,389,185,125	65.62%	131.51%
5	Hoạt động may khâu trang	6,105,113,815	2.13%	100.00%
6	Hoạt động sơn mài	1,503,000,000	0.52%	100.00%
7	Doanh thu khác	1,721,193,323	0.60%	57.58%
Tổng cộng		287,098,931,865	100.00%	

Là một doanh nghiệp may mặc chủ yếu may gia công xuất. Sản phẩm của Công ty chủ yếu các mặt hàng: áo sơ mi, quần tây, áo thun cao cấp, quần jean, phụ kiện trang phục... với thị trường xuất khẩu chủ yếu là Mỹ chiếm khoảng 60%, Hàn Quốc khoảng 30%, các nước khác khoảng 10%.

* Đạt được kết quả trên là do nhiều biện pháp được thực hiện đồng thời như:

- Đầu tư thêm máy móc thiết bị hiện đại như máy lập trình khổ lớn, máy nhồi bông, nhồi lông tự động, máy trái vải tự động, máy cắt vải tự động, đồng thời Công ty áp dụng triệt để công nghệ tiên tiến và cải tiến kỹ thuật làm tăng tốc độ sản xuất, tạo ra được nhiều sản phẩm hơn, các đơn hàng gia tăng.

- Các nhà máy đạt năng suất cao cũng là yếu tố để Công ty mạnh dạn nhận thêm nhiều đơn hàng.

Với một chiến lược kinh doanh hợp lý, tận dụng được tốt thị trường đang có nhiều yếu tố thuận lợi, kết quả kinh doanh trong những năm qua của Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa là rất khả quan.

Bảng 3: Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2020

STT	Khoản mục	Năm 2020	
		Giá trị	Tỷ trọng
1	Lợi nhuận hoạt động gia công	14,053,701,274	38.93
2	Lợi nhuận hoạt động cho thuê nhà xưởng	5,213,736,957	14.44
3	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh khách sạn	(7,302,743)	(0.02)
4	Lợi nhuận hoạt động thương mại	12,804,413,746	35.47
5	Lợi nhuận hoạt động khâu trang	2,653,094,459	7.35
6	Lợi nhuận hoạt động sơn mài	1,160,656,603	3.22
7	Lợi nhuận khác	218,917,814	0.61
Tổng cộng		36,097,218,110	100.00%

2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách HĐQT

* Ông Trịnh Xuân Lâm - Chủ tịch Hội đồng quản trị



Họ và tên: Trịnh Xuân Lâm
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 15/07/1956
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: Số nhà 447, đường Trần Phú, phường Lam Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Chứng minh nhân dân số: 170171931 cấp ngày 28/07/2007 tại CA Thanh Hóa
Điện thoại liên hệ: 0917 96 9999
Trình độ chuyên môn: Đại học
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Ủy viên Ban Thường vụ Hiệp hội Doanh nhân CCB Việt Nam; Ủy viên Ban chấp hành Hội CCB tỉnh Thanh Hóa; Ủy viên UBMTTQ tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch Hiệp hội Dệt may tỉnh Thanh Hóa; Phó Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch hiệp hội doanh nhân CCB tỉnh Thanh Hóa;
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần SWIMAX Vina
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần May Tatsu
Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thương mại tổng hợp Lam Ngọc

* Quá trình công tác:

Thời gian	Vị trí, chức vụ đảm nhiệm
Từ 1995 đến 2007	Giám đốc Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 01/2008 đến 12/2008	Giám đốc Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa Giám đốc Công ty CP SXTM & ĐT Việt Thanh
Từ 01/2009 đến 02/2014	Giám đốc Công ty CP SXTM & ĐT Việt Thanh Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 03/2014 đến 08/2014	Giám đốc Công ty CP SXTM & ĐT Việt Thanh Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tiên Sơn Thanh Hóa

Từ 09/2014 đến 03/2015*	Giám đốc Công ty CP SXTM & ĐT Việt Thanh Chủ tịch HĐQT Công ty CP may Tatsu Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 04/2015 đến 12/2017	Giám đốc Công ty CP SXTM & ĐT Việt Thanh Chủ tịch HĐQT Công ty CP SWIMAX VINA Chủ tịch HĐQT Công ty CP may Tatsu Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tiên Sơn Thanh Hóa Chủ tịch HĐQT CCTCP Thương mại tổng hợp Lam Ngọc
Từ 01/2018 đến 09/2019	Giám đốc Công ty CP SXTM & ĐT Việt Thanh Chủ tịch HĐQT Công ty CP SWIMAX VINA Chủ tịch HĐQT Công ty CP may Tatsu Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tiên Sơn Thanh Hóa Chủ tịch HĐQT Công ty CP may xuất khẩu Yên Định Chủ tịch HĐQT CTCP Thương mại tổng hợp Lam Ngọc
Từ 10/2019 đến 01/2020	Giám đốc Công ty CP SXTM & ĐT Việt Thanh Chủ tịch HĐQT Công ty CP SWIMAX VINA Chủ tịch HĐQT Công ty CP may Tatsu Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tiên Sơn Thanh Hóa Chủ tịch HĐQT CTCP Thương mại tổng hợp Lam Ngọc
Từ 02/2020 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP SWIMAX VINA Chủ tịch HĐQT Công ty CP may Tatsu Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tiên Sơn Thanh Hóa Chủ tịch HĐQT CTCP Thương mại tổng hợp Lam Ngọc

Sở hữu cá nhân tính đến ngày 31/12/2020 3.435.000 cổ phần, chiếm 9,87 % vốn điều lệ của Công ty

Sở hữu đại diện 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ của Công ty

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

Sở hữu của người có liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Nguyễn Thị Dụ	Vợ	100.000	0,29%
Trịnh Xuân Lượng	Con	1.000.000	2,87%
Trịnh Văn Dương	Con	450.000	1,29%
Trịnh Xuân Dưỡng	Con	400.000	1,15%
Trịnh Thị Dung	Con	10.000	0,03%
Trịnh Kim Giang	Con	10.000	0,03%
Nguyễn Thị Thùy	Con dâu	100	0,0003%
Nguyễn Thị Loan	Con dâu	100	0,0003%

Vũ Đình Lập	Con rể	100	0,0003%
Lê Thị Bảy	Em dâu	0	0,0%
Lê Thị Oanh	Em dâu	10.000	0,03%
Trịnh Xuân Tiến	Em trai	100	0,0003%
Lê Thị Hương	Em dâu	100	0,0003%
Trịnh Văn Lực	Em trai	100	0,0003%
Chu Xuân Anh	Em dâu	100	0,0003%
Trịnh Văn Song	Em trai	100	0,0003%
Đỗ Thị Hà	Em dâu	100	0,0003%
Trịnh Văn Nam	Em trai	0	0,0%
Trịnh Thị Mai	Chị gái	100	0,0003%
Nguyễn Hoàng Long	Anh rể	100	0,0003%
Trịnh Thị Hải	Em gái	100	0,0003%
Lê Đình Trác	Em rể	100	0,0003%
Trịnh Thị Hòa	Em gái	100	0,0003%
Trịnh Thị Hiền	Em gái	100	0,0003%
Lê Đăng Thuyết	Em rể	500.000	1,44%

*** Ông Trịnh Xuân Lượng - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc**



Họ và tên: Trịnh Xuân Lượng
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 18/08/1975
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: Khu phố 5, Phường Bắc Sơn, Thị xã Bim Sơn, Thanh Hóa
Chứng minh thư số: 171828174, cấp ngày 28/07/2007, tại công an Thanh Hóa
Điện thoại liên hệ: 0362.888.888
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Lương Phát
Thành viên HĐQT Công ty cổ phần May Tatsu
Thành viên HĐQT Công ty cổ phần May Xuất khẩu Yên Định

*** Quá trình công tác:**

Thời gian	Vị trí, chức vụ đảm nhiệm
Từ 1995 đến 2007	Phó Giám đốc công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 01/2008 đến 12/2008	Phó Tổng Giám đốc công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 2009 đến 2011	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Lương Phát Phó Tổng Giám đốc công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 01/2012 đến 02/2014	Tổng Giám đốc công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa Chủ tịch HĐQT Công ty CP Lương Phát
Từ 03/2014 đến 07/2014	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc công ty CP Tiên Sơn Thanh Hóa Chủ tịch HĐQT Công ty CP Lương Phát
Từ 08/2014 đến 11/2017	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc công ty CP Tiên Sơn Thanh Hóa Chủ tịch HĐQT Công ty CP Lương Phát Thành viên HĐQT Công ty CP may Tatsu
Từ 12/2017 đến nay	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc công ty CP Tiên Sơn Thanh Hóa Chủ tịch HĐQT Công ty CP Lương Phát Thành viên HĐQT Công ty CP may Tatsu Thành viên HĐQT Công ty CP may xuất khẩu Yên Định

Sở hữu cá nhân tính đến ngày 31/12/2020 1.000.000 cổ phần, chiếm 2,87% vốn điều lệ của Công ty

Sở hữu đại diện 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ của Công ty

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Sở hữu của người có liên quan

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Trịnh Xuân Lâm	Bố	3.435.000	9,87%
Nguyễn Thị Dụ	Mẹ	100.000	0,29%
Nguyễn Văn Thịnh	Bố vợ	100	0,0003%
Phạm Thị Cường	Mẹ vợ	100	0,0003%
Nguyễn Thị Thùy	Vợ	100	0,0003%
Trịnh Văn Dương	Em trai	450.000	1,29%
Trịnh Xuân Dương	Em trai	400.000	1,15%
Trịnh Thị Dung	Em gái	10.000	0,03%

Trịnh Kim Giang	Em gái	10.000	0,03%
Nguyễn Thị Loan	Em dâu	100	0,0003%
Vũ Đình Lập	Em rể	100	0,0003%
Trịnh Bảo Anh	Con gái	0	0,0%
Trịnh Bảo Hân	Con gái	0	0,0%
Trịnh Xuân Phát	Con trai	0	0,0%

*** Ông Trịnh Văn Dương – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc**



Họ và tên: Trịnh Văn Dương
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 14/08/1979
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: Số nhà 447, đường Trần Phú, phường Lam Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Căn cước công dân số: 038079000565 cấp ngày 04/09/2019 tại CCS QLHC về TTXH
Điện thoại liên hệ: 0911 73 8888
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP DG Win Việt Nam
- Phó chủ tịch Hội Doanh nghiệp trẻ tỉnh Thanh Hóa
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Great Vina
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần TDT Fashion Australia
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần May Victory

*** Quá trình công tác:**

Thời gian	Vị trí, chức vụ đảm nhiệm
Từ 2001 đến 2005	Du học Newzealand
Từ 2006 đến 2007	Trợ lý Tổng giám đốc Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 2008 đến 06/2012	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 07/2012 đến 02/2014	Chủ tịch HĐQT Công ty CP DG Win Việt Nam Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa

Từ 03/2014 đến 03/2015	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa Chủ tịch HĐQT Công ty CP DG Win Việt Nam
Từ 04/2015 đến 07/2018	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Great Vina Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa Chủ tịch HĐQT Công ty CP DG Win Việt Nam
Từ 08/2018 đến 09/2019	Chủ tịch HĐQT Công ty CP TDT Fashion Australia Chủ tịch HĐQT Công ty CP DG Win Việt Nam Chủ tịch HĐQT Công ty CP Great Vina Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 10/2019 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP may Victory Chủ tịch HĐQT Công ty CP DG Win Việt Nam Chủ tịch HĐQT Công ty CP TDT Fashion Australia Chủ tịch HĐQT Công ty CP Great Vina Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa

Sở hữu cá nhân tính đến ngày 31/12/2020 450.000 cổ phần, chiếm 1,29% vốn điều lệ của Công ty

Sở hữu đại diện 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ của Công ty

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không có

Sở hữu của người có liên quan

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Trịnh Xuân Lâm	Bố	3.435.000	9,87%
Nguyễn Thị Dụ	Mẹ	100.000	0,29%
Trịnh Xuân Lượng	Anh trai	1.000.000	2,87%
Nguyễn Thị Thùy	Chị dâu	100	0,0003%
Trịnh Xuân Dưỡng	Em trai	400.000	1,15%
Trịnh Thị Dung	Em gái	10.000	0,03%
Trịnh Kim Giang	Em gái	10.000	0,03%
Nguyễn Thị Loan	Em dâu	100	0,0003%
Vũ Đình Lập	Em rể	100	0,0003%
Trịnh Văn Duy	Con trai	0	0,00%
Trịnh Minh Quân	Con trai	0	0,00%

*** Ông Lê Văn Ngọc – Thành viên độc lập Hội đồng quản trị**



Họ và tên Lê Văn Ngọc
 Giới tính Nam
 Ngày sinh 19/06/1976
 Quốc tịch Việt Nam
 Địa chỉ thường trú KP2 – Bắc Sơn – Bim Sơn – Thanh Hóa
 Căn cước công dân số 038076000991 cấp ngày 07/06/2016 tại CCS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.
 Trình độ chuyên môn Cử nhân Cao đẳng Y
 Chức vụ đang nắm giữ tại Thành viên độc lập Hội đồng quản trị
 Công ty:
 Chức vụ đang nắm giữ tại Giám đốc Công ty cổ phần Thương mại tổng hợp Lam Ngọc
 các tổ chức khác

*** Quá trình công tác:**

Thời gian	Vị trí, chức vụ đảm nhiệm
Từ 2001 đến 2008	Trưởng trạm y tế Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 2008 đến 03/2014	Giám đốc khách sạn Lam Ngọc kiêm Trưởng trạm y tế Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 03/2014 đến 04/2017	Kinh doanh phòng khám tư nhân
Từ 05/2017 đến nay	Kinh doanh phòng khám tư nhân Giám đốc Công ty CP TM tổng hợp Lam Ngọc

Sở hữu cá nhân tính đến ngày 31/12/2020 100 cổ phần, chiếm 0,0003% vốn điều lệ của Công ty

Sở hữu đại diện 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ của Công ty

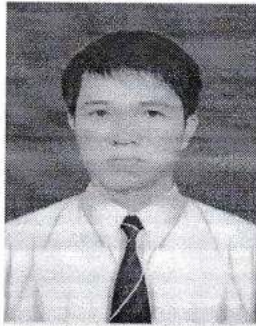
Hành vi vi phạm pháp luật Không

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Sở hữu của người có liên quan

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Trịnh Thị Tâm	Mẹ	0	0,0%
Lê Thị Lan	Mẹ vợ	0	0,0%
Dương Thị Dung	Vợ	100	0,0003%
Lê Văn Tùng	Anh trai	0	0,0%
Mai Thị Minh Hiền	Chị dâu	0	0,0%
Lê Ngọc Thi	Con trai	0	0,0%
Lê Ngọc Danh	Con trai	0	0,0%

*** Ông Lương Văn Quyết - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị**



Họ và tên: Lương Văn Quyết
 Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 20/10/1973
 Quốc tịch: Việt Nam
 Địa chỉ thường trú: Hà Yên – Hà Trung – Thanh Hóa
 Chứng minh nhân dân số: 171622053 cấp ngày 23/07/2014 tại CA Thanh Hóa
 Trình độ chuyên môn: Trung cấp Y
 Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị
 Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

*** Quá trình công tác:**

Thời gian	Vị trí, chức vụ đảm nhiệm
Từ 2003 đến 10/2008	Quản đốc Xưởng tạo cốt – NM gỗ Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 11/2008 đến 12/2009	Phó Giám đốc Nhà máy gỗ Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 2010 đến 2011	Quản đốc xưởng tạo cốt và Vóc – Nhà máy gỗ Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 2012 đến 02/2014	Kiểm Phó chủ tịch hội CCB Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 03/2014 đến 07/2018	Làm tự do
Từ 08/2018 đến nay	Thành viên độc lập HĐQTCTCP Tiên Sơn Thanh Hóa

Sở hữu cá nhân tính đến ngày 31/12/2020: 100 cổ phần, chiếm 0,0003% vốn điều lệ của Công ty
 Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ của Công ty
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 Sở hữu của người có liên quan:

Căn cước công dân số 038071003683 cấp ngày 06/07/2017 tại CCS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Trình độ chuyên môn Đại học

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng giám đốc, Chủ tịch Công đoàn

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác Giám đốc Công ty CP Lương Phát

*** Quá trình công tác:**

Thời gian	Vị trí, chức vụ đảm nhiệm
Từ 2004 đến 2010	Giám đốc NM gỗ Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 2010 đến 2012	Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 2012 đến 05/2012	Phó Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Công đoàn Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 06/2012 đến 02/2014	Phó Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Công đoàn Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa Giám đốc công ty CP Lương Phát
Từ 03/2014 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa Giám đốc công ty CP Lương Phát

Sở hữu cá nhân tính đến ngày 31/12/2020 500.000 cổ phần, chiếm 1,44% vốn điều lệ của Công ty

Sở hữu đại diện 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

Sở hữu của người có liên quan

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Trịnh Thị Hiền	Vợ	100	0,0003%
Lê Thị Trang	Con gái	100	0,0003%
Lê Thị Nhung	Con gái	100	0,0003%
Lê Đăng Hiếu	Con trai	100	0,0003%
Lê Quyền	Con rể	10.000	0,03%

*** Ông Trịnh Xuân Dương - Phó Tổng Giám đốc**



Họ và tên **Trịnh Xuân Dương**
Giới tính Nam
Ngày sinh 15/09/1982
Quốc tịch Việt Nam
Địa chỉ thường trú Khu đô thị mới Đông Sơn, Phường An Hoạch, Thành phố Thanh Hóa
Căn cước công dân số 038082013849 cấp ngày 25/10/2018 tại CCS QLHC về TTXH
Trình độ chuyên môn Đại học
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác Giám đốc Công ty cổ phần May Tatsu

*** Quá trình công tác:**

Thời gian	Vị trí, chức vụ đảm nhiệm
Từ 2007 đến 2008	Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 2008 đến 05/2009	Giám đốc chi nhánh Hà Nội – Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 06/2009 đến 2012	Trợ lý Tổng giám đốc - Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa
Từ 01/2013 đến 01/2014	Giám đốc Nhà máy may Công ty CP may Lucky TS
Từ 01/2014 đến 02/2014	Trợ lý Giám đốc Công ty CPSXTM&ĐT Việt Thanh
Từ 03/2014 đến 12/2016	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa Trợ lý Giám đốc Công ty CPSXTM&ĐT Việt Thanh
Năm 01/2017 đến 12/2017	Phó Tổng Giám đốc CTCP Tiên Sơn Thanh Hóa Trợ lý Giám đốc Công ty CPSXTM&ĐT Việt Thanh
Tháng 01/2018 đến nay	Giám đốc Công ty CP may Tatsu Phó Tổng Giám đốc CTCP Tiên Sơn Thanh Hóa

Sở hữu cá nhân tính đến ngày 31/12/2020 400.000 cổ phần, chiếm 1,15% vốn điều lệ của Công ty

Sở hữu đại diện 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ của Công ty

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Lợi ích liên quan đối với Không Công ty

Sở hữu của người có liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Trịnh Xuân Lâm	Bố	3.435.000	9,87%
Nguyễn Thị Dụ	Mẹ	100.000	0,29%
Trịnh Xuân Lượng	Anh trai	1.000.000	2,87%
Nguyễn Thị Thùy	Chị dâu	100	0,0003%
Trịnh Văn Dương	Anh trai	450.000	1,29%
Trịnh Thị Dung	Em gái	10.000	0,03%
Trịnh Kim Giang	Em gái	10.000	0,03%
Nguyễn Thị Loan	Vợ	100	0,0003%
Vũ Đình Lập	Em rể	100	0,0003%
Trịnh Minh Châu	Con gái	0	0,00%
Trịnh Linh Chi	Con gái	0	0,00%

c. Chính sách với người lao động

* Tình hình lao động:

- Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy, Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, tác phong phục vụ chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Số lượng lao động hiện tại của Công ty đang trực tiếp quản lý là 55 lao động là cán bộ chuyên môn, quản lý và kỹ thuật. Và ước tính sẽ giải quyết việc làm cho khoảng 15.000 lao động (Khi tuyển đủ năng lực của các nhà máy và khi Công ty vận hành các nhà máy để thực hiện gia công các sản phẩm may mặc thay vì cho thuê nhà xưởng như hiện nay)

Cơ cấu lao động cụ thể như sau:

Bảng 4: Cơ cấu lao động của AAT tại thời điểm 31/12/2020

Phân loại	Số lượng (người)
Tổng số lượng nhân viên	55
<i>Phân theo giới tính</i>	
- Nam	20
- Nữ	35
<i>Phân theo trình độ chuyên môn</i>	
- Trên đại học	1
- Đại học	12
- Cao đẳng, trung cấp	25
- Đối tượng khác	4
- Công nhân kỹ thuật	13

*** Chính sách đối với người lao động:**

*** Chính sách tuyển dụng**

Với mục tiêu góp phần tạo công ăn việc làm và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, Công ty có chính sách ưu tiên tuyển dụng nhân sự gần nơi làm việc. Đối với chức danh công việc cần chuyên môn nghiệp vụ Công ty tiến hành tổ chức thi tuyển, phỏng vấn và đối với công nhân lao động trực tiếp, việc tuyển dụng thông qua việc xem xét văn bằng chứng chỉ nghề không qua thi tuyển, phỏng vấn.

*** Chính sách đào tạo**

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

Đối với lao động trực tiếp: Công ty thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành; Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn nhằm đáp ứng được yêu cầu mới trong công tác.

Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ: Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước ...

*** Chính sách lương, thưởng và phúc lợi**

Công ty xây dựng đầy đủ Quy chế tiền lương, Quy chế thi đua khen thưởng, theo đó người lao động được trả lương, thưởng theo năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc. Hàng tháng, quý, năm đều có đánh giá để xét nâng lương, xét khen thưởng các danh hiệu. Bên cạnh đó, nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, Công ty có chủ trương khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

*** Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động**

Xác định người lao động là tài sản vô giá của doanh nghiệp, do đó Công ty đã có nhiều biện pháp để cải thiện môi trường lao động và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Công ty luôn đảm bảo đầy đủ các chế độ, quyền lợi của người lao động theo quy định của Nhà nước như: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tiền lương các ngày nghỉ Lễ, Tết, phép năm, môi trường làm việc an toàn...

Ngoài ra, Công ty còn đảm bảo các chế độ phúc lợi của Công ty cho người lao động như: tiền phụ cấp chuyên cần, phụ cấp xăng xe, nhà ở cho người lao động; Thưởng tiền lương tháng 13; tổ chức ăn ca miễn phí đảm bảo sức khỏe cho người lao động, ở nhà tập thể, có Nhà trẻ miễn phí; Trạm y tế chăm sóc và tổ chức khám sức khỏe ban đầu; Duy trì tổ chức cho tất cả cán bộ

công nhân viên được đi nghỉ mát hằng năm; Quan tâm động viên thăm hỏi, hỗ trợ kịp thời người lao động lúc ốm đau, hoạn nạn, hiếu, hỷ, gia đình gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Nâng lương cho cán bộ nghiệp vụ, thi nâng bậc cho công nhân, khen thưởng động viên kịp thời cho những lao động đạt thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất. Quan tâm đến chính sách lao động nữ, tạo điều kiện cho chị em nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, đề bạt một số chị em có năng lực giữ các cương vị chủ chốt v.v...

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án:

- Hiện tại công ty đã có Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa số 2941/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 về việc Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Nhà máy may xuất khẩu Quý Lộc tại xã Quý Lộc, huyện Yên Định và đang tiến hành xây dựng.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Bảng 5: Kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn năm 2019-2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2019	2020	% Tăng giảm 2020/2019
1	Tổng giá trị tài sản	600.88	579.86	96.50
2	Vốn chủ sở hữu	410.9	424.93	103.41
3	Doanh thu thuần	296.4	287.1	96.86
4	Giá vốn hàng bán	253.25	251	99.11
5	Lợi nhuận thuần HĐKD	23.43	13.41	57.23
6	Lợi nhuận khác	2.5	5.22	208.80
7	Lợi nhuận trước thuế	25.93	18.63	71.85
8	Lợi nhuận sau thuế	21.15	14.04	66.38
9	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	5.16	3.3	63.95
10	Tỷ lệ LN trả cổ tức (%)	15	10	66.67

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019,2020 của CTCP Tiên Sơn Thanh Hóa)

Trong năm 2020, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 287,10 tỷ đồng và 14,04 tỷ đồng, tương ứng giảm 3,14% và giảm 33,62% so với năm 2019. Nguyên nhân: Do

ảnh hưởng của Đại dịch Covid-19, doanh thu từ hoạt động gia công giảm so với năm 2019, tuy nhiên, giá vốn hoạt động gia công lại tăng.

*** Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty luôn thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán 2019, 2020 Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ theo quy định của nhà nước.

*** Các khoản phải nộp theo luật định**

Bảng 6: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
1	Thuế giá trị gia tăng	0	
2	Tiền Thuê đất		0.18
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.45	4.59
Tổng cộng		5.45	4.77

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 CTCP Tiên Sơn Thanh Hóa)

*** Các khoản phải thu**

Bảng 7: Các khoản phải thu

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019 (đồng)	31/12/2020 (đồng)
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	112,671,856,716	134,465,379,924
1	Phải thu của khách hàng	19,409,090,558	80,800,122,967
2	Trả trước cho người bán	78,420,470,813	34,193,028,910
3	Các khoản phải thu khác	15,093,852,428	19,472,228,047
4	Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(251,557,083)	
II	Các khoản phải thu dài hạn	1,210,000,000	15,000,000,000

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 CTCP Tiên Sơn Thanh Hóa)

Bảng 8: Chi tiết Khoản phải thu khác

	Chỉ tiêu	31/12/2019 (đồng)	31/12/2020 (đồng)
I	Ngắn hạn	15.093.852.428	19,472,228,047
1	Tạm ứng	15.031.288.923	19,472,228,047
2	Cổ tức phải thu	-	
3	Phải thu khác	62.563.505	
II	Dài hạn	1.210.000.000	1,500,000,000
1	Ký cược, ký quỹ	210.000.000	15,000,000,000
2	Phải thu khác	1.000.000.000	
	Tổng cộng	16.303.852.428	34,472,228,047

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 CTCP Tiên Sơn Thanh Hóa)

* Các khoản phải trả

Bảng 9: Các khoản phải trả

STT	Khoản mục	31/12/2019 (đồng)	31/12/2020 (đồng)
I	Nợ ngắn hạn	71.344.009.351	92,181,891,828
1	Vay và nợ ngắn hạn	52.904.899.942	82,848,350,597
2	Phải trả người bán	12.361.514.096	3,665,368,385
3	Người mua trả tiền trước	206.888.029	416,888,029
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.450.551.514	4,772,465,446
5	Phải trả người lao động	319.062.940	341,685,373
6	Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	
7	Chi phí phải trả ngắn hạn	-	36,041,168
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	101.092.830	101.092.830
II	Nợ dài hạn	118.640.615.437	62,748,393,963
1	Phải trả dài hạn khác	36.960.877.697	32,604,629,866
2	Vay và nợ dài hạn	81.679.737.740	30,143,764,097
	Tổng cộng	189.984.624.788	154,930,285,791

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 của CTCP Tiên Sơn Thanh Hóa)

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 10: Các chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	2,09	1,87
- Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	1,75	1,69
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	31,62	0,27
- Nợ quá hạn			
- Nợ khó đòi			
- Hệ số sử dụng vốn			
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	vòng	10,40	12,15
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	lần	0,49	0,49

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,13	4,89
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	5,15	3,27
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,52	2,42
- Hệ số Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	7,91	4,67

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 của CTCP Tiên Sơn Thanh Hóa)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cơ cấu cổ đông:

Bảng 11: Cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm ngày 31/12/2020

STT	Nội dung	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Giá trị cổ phần (Đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1.	Cổ đông trong nước	326	34.800.000	348.000.000.000	100
	+ Tổ chức	0	0	0	0
	+ Cá nhân	326	34.800.000	348.000.000.000	100
2.	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
	+ Tổ chức	0	0	0	0
	+ Cá nhân	0	0	0	0
	Tổng số	326	34.800.000	348.000.000.000	100

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa)

b. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

c. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

a. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa là gia công các sản phẩm may mặc xuất khẩu, do đó nguyên vật liệu và các yếu tố đầu vào chủ yếu của Công ty bao gồm: vải thô, bán thành phẩm gia công và một số nguyên vật liệu phụ trợ khác, hầu hết những yếu tố đầu vào trên đều được nhập khẩu từ nước ngoài như: Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc, Ấn Độ, Mỹ,...Ngoài ra, Công ty cũng đang tìm kiếm và ký kết hợp đồng với một số đối tác trong nước về cung ứng một số nguyên vật liệu phụ trợ nội địa như: sợi, chỉ, ...

Bên cạnh đó, mảng hoạt động thương mại cũng là một trong những hoạt động mang lại nhiều doanh thu cho doanh nghiệp. Nguyên vật liệu đầu vào của hoạt động này chủ yếu là: vải vóc, quần áo và nông sản.

Ngoài ra, công ty còn có thêm mảng hoạt động liên quan tới các yếu tố đầu vào là hoạt động kinh doanh khách sạn. Đối với hoạt động kinh doanh khách sạn, nguyên vật liệu đầu vào chủ yếu gồm các sản phẩm phụ trợ cho khách sạn như kem đánh răng, xà bông, dầu gội, ...

b. Tiêu thụ năng lượng:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp : khoảng 2,500,000 Kw/năm

- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: 5000Kw

c. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: khoảng 9.804m³

- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 15%

d. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Trong năm 2020, Công ty không vi phạm pháp luật và các quy định về môi trường. Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định về môi trường đã đặt ra.

e. Chính sách liên quan đến người lao động:

Xác định nguồn nhân lực là nền tảng cho sự phát triển, Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa đã xây dựng và phát triển chế độ lao động, chính sách ưu đãi hợp lý đối với người lao động.

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy, Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, tác phong phục vụ chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.



Ngoài tiền lương, người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ, quyền lợi theo quy định của Nhà nước như: được đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN; được hưởng tiền lương các ngày nghỉ Lễ, Tết, phép năm và những ngày nghỉ theo quy định của Bộ Luật lao động, Luật BHXH.

Ngoài ra NLĐ còn được hưởng các chế độ phúc lợi của công ty như: tiền thưởng các ngày Lễ, Tết; lương tháng thứ 13; tiền chuyên cần, xăng xe, nhà ở; được ăn ca, có nhà giữ trẻ miễn phí, được hưởng các chế độ khen thưởng, thăm hỏi và thăm quan nghỉ mát hàng năm theo quy định của công ty.

Thời gian làm việc tại công ty là 8h/ngày. Công ty thường xuyên quan tâm tới các hoạt động học tập, nâng cao tay nghề của cán bộ công nhân viên trong công ty. Khuyến khích cán bộ công nhân viên học tập, hỗ trợ kinh phí khi tham gia các chương trình đào tạo.

f. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Cùng với việc phát triển, đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, trong những năm qua Công ty đã trích một phần kinh phí từ lợi nhuận, quan tâm đến công tác hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo: Nhận phụng dưỡng suốt đời 3 Mẹ liệt sỹ từ năm 1996 tại thị xã Bỉm Sơn; phụng dưỡng suốt đời 4 Mẹ Việt Nam Anh hùng tại huyện Như Thanh; đã xây dựng được tổng số 31 ngôi nhà tình nghĩa; Tặng hàng trăm sổ tiết kiệm cho người nghèo, gia đình chính sách; tặng hàng nghìn xuất quà cho các hộ nghèo nhân dịp Tết Nguyên Đán hàng năm;



Đóng góp quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ khuyến học, học bổng cho sinh viên nghèo học giỏi, giải thưởng cho học sinh đoạt huy chương trong các cuộc thi học sinh giỏi quốc tế; Tài trợ khám và cấp thuốc chữa bệnh cho người nghèo; Ủng hộ xây dựng các công trình văn hóa, tâm linh, xây dựng địa phương; Ủng hộ đồng bào bị thiên tai, bão lụt. Số tiền đóng góp xã hội, từ thiện nhân đạo từ khi thành lập đến nay là gần 19 tỷ đồng. Riêng năm 2020, công ty đã đóng góp cho công tác xã hội, từ thiện nhân đạo 2,8 tỷ đồng, trong đó tài trợ “Quỹ khuyến học Trịnh Lâm” cho Quỹ Khuyến học Thị xã Bỉm Sơn là 1 tỷ đồng; Ủng hộ xây công trình văn hóa, tâm linh cho xã Hoàng Quý, Hoàng Hóa là 1 tỷ đồng; Ủng hộ cho công tác phòng chống dịch Covid-19 hơn 330 triệu đồng; Ủng hộ đồng bào vùng lũ Miền Trung 176 triệu đồng...

Có thể nói, những hoạt động xã hội từ thiện của Công ty trong những năm qua không chỉ giúp đỡ về vật chất và động viên tinh thần cho các đối tượng chính sách, khó khăn mà còn có tác dụng sâu sắc trong việc giáo dục cho người lao động về tình cảm, mối quan hệ xã hội tốt đẹp đối với nhân dân, đồng nghiệp. Qua đó, kết tinh những tấm lòng nhân ái của mái nhà chung Tiên Sơn hướng về cộng đồng, trên tinh thần đoàn kết, trách nhiệm xã hội và phát huy truyền thống tương thân tương ái của dân tộc. Đây là việc làm thể hiện tính nhân văn, tạo được sức lan tỏa, từ đó thu hút được nhiều doanh nghiệp, các nhà hảo tâm trong tỉnh cùng hưởng ứng tích cực. Với kết quả đó công ty đã nhiều lần được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, UBMTQ tỉnh, UBMTTQ Việt Nam, Hội khuyến học tỉnh Thanh Hóa tặng bằng khen.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (Triệu đồng)	Thực hiện 2020 (Triệu đồng)	Thực hiện/ kế hoạch
1	Vốn điều lệ	400,000,000,000	348,000,000,000	87.00
2	Doanh thu	350,000,000,000	287,098,931,865	82.03
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	45,000,000,000	14,038,467,792	31.20
4	LNST/VĐL (ROE)	11.25	3.30	29.37

Năm 2020 thực sự là một năm thách thức đối với ngành dệt may do ảnh hưởng của đại dịch COVID 19, mặc dù chúng ta có hai hiệp định chính thức đi vào hiệu lực nhưng đối với thế giới thì tăng trưởng toàn cầu chững lại, dự báo GDP đều giảm ở các nền kinh tế mà ngành dệt may Việt Nam xuất khẩu chính như Mỹ, Nhật.

Nhận định sát tình hình, ngay từ đầu năm ĐHĐCĐ Công ty đã đề ra những chỉ tiêu nhiệm vụ kinh doanh sát thực cho năm 2020 và những giải pháp cụ thể để triển khai thực hiện. Tuy nhiên, chỉ tiêu Doanh thu chưa đạt kế hoạch đề ra do trong năm 2020, công ty có một số dự án dự kiến đưa vào sản xuất nhưng chưa kịp so với kế hoạch, cùng với việc phải trích lập dự phòng cho khoản phải thu ngoài dự tính nên Lợi nhuận sau thuế TNDN chưa đạt mục tiêu đề ra. Tuy nhiên với kinh nghiệm và nguồn lực tích lũy được sau nhiều năm xây dựng và phát triển, cùng với sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của HĐQT, Ban Điều hành tin tưởng Công ty sẽ tiếp tục duy trì ổn định sản xuất kinh doanh, duy trì và phát triển quan hệ với các đối tác nước ngoài đồng thời tiếp tục đầu tư sang một số ngành nghề, lĩnh vực mới tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của Công ty trong tương lai.

2. Tình hình tài chính của Công ty

Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA). Số liệu đã được kiểm toán tại ngày 31/12/2020 như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2019
I	Tài sản ngắn hạn	172.575.490.167
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	19.726.020.423
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.000.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	134.465.379.924
4	Hàng tồn kho	16.993.740.870
5	Tài sản ngắn hạn khác	390.348.950
II	Tài sản dài hạn	407.288.340.841
1	Tài sản cố định	297.479.927.858
2	Tài sản dài hạn dở dang	16.121.923.000
3	Đầu tư tài chính dài hạn	67.322.000.000
4	Các khoản phải thu dài hạn	
5	Tài sản dài hạn khác	11.364.489.983
III	Nợ phải trả	154.930.285.791
1	Nợ ngắn hạn	92.181.891.828
2	Nợ dài hạn	62.748.393.963
IV	Vốn chủ sở hữu	424.933.545.217
Tổng cộng Tài sản/Nguồn vốn		579.863.831.008

(Nguồn: BCTC năm 2020 của Công ty đã kiểm toán)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong công tác quản trị sản xuất kinh doanh, con người luôn là yếu tố trung tâm đối với Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa. Để phát huy tốt nhất hiệu quả hoạt động của từng cán bộ công nhân viên, Công ty đã đưa ra một số cải tiến nhằm đảm bảo bộ máy hoạt động tinh gọn nhưng hiệu quả. Hệ thống cấp bậc nhân sự để chuẩn hóa các vị trí nhân sự trên quy mô toàn Công ty đã từng bước đi vào nề nếp và từng bước áp dụng trong các tính và chi trả lương xứng đáng để tạo động lực cho người lao động. Công ty đã chuẩn hóa, áp dụng thống nhất trong thực tế Quy chế tiền lương và các phụ lục quy định về hệ thống cấp bậc nhân sự; Quy chế Quản lý tài sản.

- Tạo cơ hội thay thế công việc lặp đi lặp lại không cần kỹ năng, kinh nghiệm, công việc độc hại, dễ gây tai nạn... bằng máy móc công nghệ mới;

- Nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người lao động;

- Tạo sức ép để đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng cho người lao động;

Ngoài ra, Công ty cũng nghiên cứu giải pháp phần mềm quản trị nhân sự để áp dụng trong thời gian tới.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2021 (Triệu đồng)
1	Vốn điều lệ	450.000
2	Doanh thu thuần	500.000
3	Lợi nhuận sau thuế	50.000
4	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ (ROE)	11%
5	Tỷ lệ trả cổ tức	10 - 15%

- Xác định Ngành may vẫn là mũi nhọn.

- Đầu tư dự án biển, du lịch sinh thái.

- Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp.

- Phương án Xây dựng tổ hợp khu thương mại dịch vụ và khu nhà ở xã hội.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Đã trình bày tại phần II.6

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, nền kinh tế Việt Nam chưa khởi sắc rõ nét, HĐQT đã quyết tâm đề ra nhiều giải pháp, tận dụng mọi cơ hội để phát triển, từng thành viên của HĐQT đã phát huy cao vai trò trách nhiệm được phân công, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Tổng Giám đốc và Ban điều hành các cấp trong quá trình thực hiện mục tiêu của Công ty năm 2020. Kết quả đạt được là sự cố gắng không biết mệt mỏi của Ban điều hành, với tất cả năng lực, sự đoàn kết, tuân thủ nghiêm túc chủ trương

của Hội đồng quản trị. Các quyết sách của Hội đồng quản trị được Ban điều hành triển khai quyết liệt nhưng thận trọng, chắc chắn. Kết quả đạt được trên tất cả các ngành sản xuất kinh doanh đã tiếp tục duy trì và củng cố được lòng tin từ đối tác, khách hàng, cổ đông. HĐQT tin tưởng với các giải pháp chắc chắn, linh hoạt trong công tác điều hành của Ban Giám đốc công ty sẽ góp phần gia tăng sự ổn định trong hoạt động sản xuất, từng bước chinh phục các thị trường mới trong nước, các thị trường khó tính trong khu vực và quốc tế trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, phức tạp.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Căn cứ vào định hướng phát triển Công ty, Hội đồng quản trị đã thông qua các chỉ tiêu kinh doanh chính của giai đoạn 2020 – 2021 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Kế hoạch năm 2021
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	348.000	450.000
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	287.10	500.000
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	14.04	50.000
4	Tỷ lệ LNST/VĐL (ROE)	%	3.30	11%
5	Tỷ lệ trả cổ tức	%		10 - 12%

Để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 cũng như trong giai đoạn tiếp theo, Hội đồng quản trị Công ty đã đề ra một số định hướng như sau:

- Tập trung phát triển và nâng cao khả năng cạnh tranh cho ngành may xuất khẩu để chủ động trước các biến động của thị trường thế giới. Nâng cao tỷ lệ nội địa hóa để gia tăng hiệu quả trong sản xuất và xuất khẩu hàng may mặc. Chú trọng công tác thiết kế thời trang, tạo ra các sản phẩm dệt may có tính khác biệt cao, từng bước xây dựng thương hiệu sản phẩm.

- Đẩy nhanh việc áp dụng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu hội nhập trong ngành dệt may. Tăng nhanh sản lượng các sản phẩm dệt may, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu và tiêu dùng trong nước.

- Tăng cường liên kết với đối tác cùng ngành nghề, liên minh liên kết với các đối tác chiến lược nhằm trao đổi kinh nghiệm, học hỏi công nghệ để nâng cao năng lực cạnh tranh.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên, trong đó có 01 Chủ tịch và 04 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm từ 2018 - 2022. Cả 05 thành viên HĐQT đều là những người đã tham gia HĐQT trong nhiệm kỳ trước.

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với các hoạt động định hướng, giám sát, chỉ đạo thông qua các cuộc họp và ban hành các nghị quyết quan trọng. Hội đồng quản trị đã tổ chức 6 cuộc họp với các thành viên tham dự đầy đủ, nội dung biểu quyết đều có tính thống nhất cao. Cụ thể:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	Trịnh Xuân Lâm	Chủ tịch HĐQT	6/6	100%
2	Trịnh Xuân Lượng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	6/6	100%
3	Trịnh Văn Dương	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	6/6	100%
4	Lê Văn Ngọc	Thành viên HĐQT	6/6	100%
5	Lương Văn Quyết	Thành viên HĐQT	6/6	100%

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2020, Hội đồng quản trị đương nhiệm đã tích cực thể hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt. Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành thông qua:

- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp của Ban Tổng giám đốc.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp của Ban điều hành về triển khai các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông hoặc về việc chuẩn bị các đề án trình Hội đồng quản trị xem xét.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo phù hợp trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban điều hành.
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi Hội đồng quản trị và qua quá trình theo dõi, giám sát thực tế tại Công ty.
- Trực tiếp góp ý, chỉ đạo ban điều hành trong một số vấn đề, nội dung quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh.

*** Tổng kết các Nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2020**

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã họp và thông qua những nội dung sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số 0201/2020/NQ/HĐQT-AAT	02/01/2020	V/v: Giao dịch với các bên có liên quan năm 2020
2	Số 0203-2/2020/NQ/HĐQT-AAT	02/03/2020	V/v: Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.
3	Số 2503-2/2020/NQ/HĐQT-TSH	25/03/2020	V/v: Xin gia hạn thời gian Tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020

4	Số 1804-2/2020/NQ/HĐQT-AAT	18/04/2020	V/v: Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh theo ủy quyền của ĐHĐCĐ theo NQ số 1510-2/2014/NQ/ĐHĐCĐ ngày 15/10/2014
5	Số 2304-2/2020/NQ/HĐQT-AAT	23/04/2020	V/v: Chốt danh sách cổ đông tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
6	Số 2804-2/2020/NQ/HĐQT-AAT	28/04/2020	V/v: Thông qua việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty theo ủy quyền của ĐHĐCĐ theo NQ số 1510-2/2014/NQ/ĐHĐCĐ ngày 15/10/2014

Trong năm 2020 vừa qua, Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị trong quản lý, điều hành Công ty, triển khai các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch kịp thời và đúng đắn, đảm bảo phát triển vốn và quyền lợi của cổ đông, các chỉ tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

Trong năm 2020, Ban điều hành đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều lệ và pháp luật. Ban điều hành có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng, duy trì các cuộc họp giao ban hàng tuần để có sự chỉ đạo kịp thời, hiệu quả.

Với kết quả kinh doanh không đạt được theo kế hoạch đề ra của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã có những sự thay thế, tái cơ cấu để trong năm 2021 Công ty sẽ đạt được những thay đổi tích cực, phát triển mạnh mẽ hơn trong thời gian tới.

2. Ban kiểm soát:

* Cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên trong đó có 01 trưởng ban và 02 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm, từ năm 2018 - 2022.

STT	Tên thành viên	Chức vụ tại Công ty	Số lượng CP sở hữu	Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác
1	Ông Đinh Bộ Lễ	Trưởng BKS	100	Không có
2	Ông Trịnh Văn Tâm	Thành viên BKS	100	Không có
3	Bà Nguyễn Thị Giang	Thành viên BKS	100	Không có

*** Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020**

Trong năm 2020, với quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát thông qua các hoạt động sau:

- Kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty để kịp thời có những kiến nghị phù hợp.

- Kiểm tra giám sát việc quản lý điều hành Công ty thông qua giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và quy chế nội bộ Công ty của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

- Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, kiểm soát thủ tục, trình tự ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy trình.

- Thẩm định các báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty. Kết hợp với Công ty kiểm toán thẩm định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020.

- Tham gia công tác kiểm kê định kỳ để thẩm định tình hình vốn và nguồn vốn của Công ty.

- Tham gia và đóng góp các ý kiến trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty.

Định kỳ hàng quý, Ban kiểm soát đều họp để đưa ra những nhận xét, đánh giá về những nội dung trên.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

*** Thù lao của Hội đồng quản trị trong năm 2020**

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chức danh	Số lượng	Số tháng	Mức thù lao	Tổng thù lao
1	Chủ tịch HĐQT	1	12	3.000.000	36.000.000
2	Thành viên HĐQT	4	12	1.500.000	72.000.000

*** Thù lao thành viên Ban kiểm soát năm 2020**

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chức danh	Số lượng	Số tháng	Mức thù lao	Tổng thù lao
1	Trưởng Ban kiểm soát	1	12	2.000.000	24.000.000
2	Thành viên Ban kiểm soát	2	12	1.000.000	24.000.000

VI. Báo cáo tài chính

* Ý kiến của kiểm toán

“Căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi, chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

Toàn văn Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA): Đính kèm.

XÁC NHẬN THEO ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



CHỦ TỊCH HĐQT
Trình Xuân Lâm



Vietnam Auditing
and Valuation
Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN TIÊN SƠN THANH HÓA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4-5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6-9
Báo cáo kết quả kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Bản Thuyết minh báo cáo tài chính	12-34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là “Công Ty”) tiền thân là Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa, chuyển sang công ty cổ phần từ 10/03/2014. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 2800222245, đăng ký lần đầu ngày 22/07/1995, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 04/05/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

	Chức vụ
Ông Trịnh Xuân Lâm	Chủ tịch
Ông Trịnh Xuân Lượng	Thành viên
Ông Trịnh Văn Dương	Thành viên
Ông Lê Văn Ngọc	Thành viên
Ông Lương Văn Quyết	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

	Chức vụ
Ông: Trịnh Xuân Lượng	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Văn Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Đăng Thuyết	Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

	Bổ sung thông tin (Tên chức vụ)
Ông Đinh Bộ Lễ	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Trịnh Văn Tâm	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Giang	Thành viên
Trụ sở đăng ký	Số 09, Khu công nghiệp Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, Tỉnh Thanh Hóa
Công ty Kiểm toán	Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính năm 2020, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa

Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất cứ thời điểm nào, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm, báo cáo này đã phản ánh trung thực hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, kết quả kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2021.

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Trịnh Xuân Lượng



Số : ~~3609~~/BCKT/TC/NV8

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa được lập ngày 19/01/2021, từ trang 6 đến trang 34 kèm theo, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi, chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Mai Quang Hiệp

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy Chứng nhận ĐKHN kiểm toán :

1320 – 2018 – 126 - 1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)

Hà Nội, Ngày 30 tháng 03 năm 2020

Trần Thị Chúc

Kiểm toán viên

Số Giấy Chứng nhận ĐKHN kiểm toán :

3278-2020-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		172.575.490.167	149.166.824.697
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	19.726.020.423	5.126.341.358
111	1. Tiền		19.726.020.423	5.126.341.358
112	2. Các khoản tương đương tiền			
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.11	1.000.000.000	1.000.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá CK kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.000.000.000	1.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		134.465.379.924	112.671.856.717
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.02	80.800.122.967	19.409.090.558
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.03	34.193.028.910	78.420.470.813
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ HỖXD			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	V.04	19.472.228.047	15.093.852.428
137	7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	V.02		(251.557.082)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	IV. Hàng tồn kho	V.05	16.993.740.870	24.336.367.715
141	1. Hàng tồn kho		16.993.740.870	24.336.367.715
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		390.348.950	6.032.258.907
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.06		
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		267.289.991	5.909.199.948
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.13	123.058.959	123.058.959
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		407.288.340.841	451.712.877.516
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		15.000.000.000	1.210.000.000
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.03	15.000.000.000	1.210.000.000
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	II. Tài sản cố định		297.479.927.858	342.942.963.148
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.07	290.418.180.092	325.093.271.650
222	- Nguyên giá		527.632.224.828	564.824.325.086
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(237.214.044.736)	(239.731.053.436)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.08		4.157.227.398
225	- Nguyên giá			4.757.227.389
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			(599.999.991)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.09	7.061.747.766	13.692.464.100
228	- Nguyên giá		7.804.047.100	14.281.145.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(742.299.334)	(588.680.900)
230	III. Bất động sản đầu tư			
231	- Nguyên giá			
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.10	16.121.923.000	28.260.518.718
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang		16.121.923.000	28.260.518.718
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.11	67.322.000.000	67.322.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		67.322.000.000	67.322.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
260	VI. Tài sản dài hạn khác		11.364.489.983	11.977.395.650
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.06	11.364.489.983	11.977.395.650
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		579.863.831.008	600.879.702.213

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		154.930.285.791	189.984.624.788
310	I. Nợ ngắn hạn		92.181.891.828	71.344.009.351
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	3.665.368.385	12.361.514.096
312	2. Người mua trả trước ngắn hạn		416.888.029	206.888.029
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	4.772.465.446	5.450.551.514
314	4. Phải trả công nhân viên		341.685.373	319.062.940
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn			
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.15	36.041.168	
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.16	82.848.350.597	52.904.899.942
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ Khen thưởng phúc lợi		101.092.830	101.092.830
323	13. Quỹ Bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu CP			
330	II. Nợ dài hạn		62.748.393.963	118.640.615.437
331	1. Phải trả dài hạn người bán			
332	2. Người mua trả trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác	V.15	32.604.629.866	36.960.877.697
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.16	30.143.764.097	81.679.737.740
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế TNDN hoàn lại phải trả			
342	12. Dự phòng nợ phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		424.933.545.217	410.895.077.425
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.17	424.933.545.217	410.895.077.425
411	1. Vốn góp của Chủ sở hữu		348.000.000.000	348.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		348.000.000.000	348.000.000.000
411b	Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần			
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		439.500.000	439.500.000
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp đổi mới doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		18.000.000	18.000.000
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		76.476.045.217	62.437.577.425
421a	LNST chưa p/phối lũy kế đến cuối kỳ trước		62.437.577.425	41.290.486.631
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		14.038.467.792	21.147.090.794
422	12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		579.863.831.008	600.879.702.213



Lê Thị Nguyên

Người lập biểu

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2021



Tống Anh Linh

Kế toán trưởng



Trịnh Xuân Lượng

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2020

Đơn vị tính: đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	VI.01	287.098.931.865	296.395.817.053
02	2. Các khoản giảm trừ			
10	3. Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp d/vụ	VI.02	287.098.931.865	296.395.817.053
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.03	251.001.713.755	253.246.401.110
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng, cung cấp d/vụ		36.097.218.110	43.149.415.943
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	415.189.461	1.769.881.759
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	10.839.135.730	11.620.576.413
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		10.545.780.722	10.446.181.843
25	8. Chi phí bán hàng	VI.06	2.568.852.966	4.860.590.531
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.07	9.695.885.090	5.004.466.684
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD		13.408.533.785	23.433.664.074
31	11. Thu nhập khác	VI.08	5.925.830.095	3.419.802.294
32	12. Chi phí khác	VI.09	704.251.699	921.089.731
40	13. Lợi nhuận khác		5.221.578.396	2.498.712.563
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.630.112.181	25.932.376.637
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.10	4.591.644.389	4.785.285.844
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		14.038.467.792	21.147.090.793
61	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11	403	608
62	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.12	403	608



Lê Thị Nguyễn
Người lập biểu

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2021



Tổng Anh Linh
Kế toán trưởng



Trịnh Xuân Lượng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ		297.924.745.573	291.235.978.724
02	2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(301.664.137.910)	(219.771.318.194)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(5.873.721.794)	(3.208.995.573)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(10.404.222.002)	(17.438.720.604)
05	5. Thuế Thu nhập Doanh nghiệp đã nộp		(5.450.551.514)	(5.914.654.233)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		67.667.092.568	20.658.419.675
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(41.180.000.245)	(33.336.555.865)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.019.204.676	32.224.153.930
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác		(29.960.257.964)	(10.115.704.073)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		65.154.773.200	
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		61.225.677	257.619.021
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		35.255.740.913	(9.858.085.052)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	VII.01	166.371.786.517	241.053.614.519
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	VII.02	(187.107.753.534)	(257.730.843.353)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(939.440.000)	(7.415.859.320)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(21.675.407.017)	(24.093.088.154)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		14.599.538.572	(1.727.019.276)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		5.126.341.359	6.716.559.064
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		140.492	136.801.570
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		19.726.020.423	5.126.341.358



Lê Thị Nguyễn
Người lập biểu

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2021



Tống Anh Linh
Kế toán trưởng



Trịnh Xuân Lượng
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo Tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tiên Sơn Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là “Công Ty”) tiền thân là Công ty TNHH Tiên Sơn Thanh Hóa hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 2800222245, đăng ký lần đầu ngày 22/07/1995, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 04/05/2017.

Vốn điều lệ của công ty: Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Vốn điều lệ của Công ty là 348.000.000.000 (Ba trăm bốn mươi tám tỷ đồng).

Trụ sở công ty: Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại, dịch vụ, sản xuất;

3. Ngành nghề kinh doanh:

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Chi tiết: Kinh doanh hàng sơn mài, mỹ nghệ, hàng công nghệ phẩm, hàng điện máy
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ lưu trú ngắn hạn;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Chi tiết: Dịch vụ nhà đất
- Bán phụ tùng và các loại bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Chi tiết: Bán buôn vật tư, máy thiết bị công nghiệp và xây dựng
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
- Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng, hàng sơn mài mỹ nghệ
- Đại lý môi giới, đấu giá
- Chi tiết: Đại lý vật tư, máy móc thiết bị công nghiệp và xây dựng, hàng công nghệ phẩm, hàng điện máy
- Chế biến hàng nông, lâm sản, xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, hàng nông sản, hàng sơn mài mỹ nghệ và hàng dệt may.

4. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5 Quy mô doanh nghiệp

Tại thời điểm 31/12/2020, công ty có một chi nhánh tại Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Tên gọi đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN TIÊN SƠN THANH HÓA – CHI NHÁNH TÂY NGUYÊN

Địa chỉ: Số 99 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân An, thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt nam.

6 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:

Trong năm tài chính, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

7 Tuyên bố về khả năng so sánh

Báo cáo tài chính năm của công ty được lập đảm bảo tính so sánh.

II KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1 Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC Hướng dẫn sửa đổi Thông tư 200/2014/TT-BTC.

2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán.

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

VI CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính được ghi nhận theo hướng dẫn tại Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính – “ Hướng dẫn Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính”.

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định, hướng dẫn về đánh giá lại công cụ tài chính sau lần ghi nhận ban đầu.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam căn cứ vào:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính được tính theo quy định tại Thông tư số 48/2019TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019.

5. Ghi nhận nợ phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).

b. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:

- Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;

- Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;
- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được tính cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2019TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng hàng tồn kho được tính theo quy định tại Thông tư số 48/2019TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019.

7. Tài sản cố định

7.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

7.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc 07-15 năm

Máy móc, thiết bị 05 năm

Phương tiện vận tải 05-10 năm

Thiết bị dụng cụ quản lý 03-04 năm

TSCĐ vô hình

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

8.1. Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá TSCĐ thuê tài chính:

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

8.2. Nguyên tắc và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính:

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của công ty

Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê.

9. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn, được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10 Nguyên tắc vốn hóa chi phí lãi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay..

11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ Đầu tư phát triển quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được phân phối từ lợi nhuận sau thuế của công ty, trong quá trình hoạt động, các nguồn quỹ này được quản lý và sử dụng theo điều lệ của công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thụ tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thụ tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thụ tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);

- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

15. Nguyên tắc ghi nhận các khoản thuế

Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Thuế TNDN áp dụng mức thuế suất 20% theo Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN số 32/2013/QH 13 ngày 19/06/2013.

Các loại thuế và phí khác theo quy định hiện hành.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC

V . KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

01 . TIỀN	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tiền mặt	12.337.239.949		1.434.049.499	
Tiền gửi thanh toán	7.388.780.474		3.692.291.859	
Cộng	19.726.020.423		5.126.341.358	
02 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG				
Ngắn hạn				
Công ty TNHH TS Vina			2.150.666.789	
Công ty TNHH MS Vina			1.124.627.354	
Cty Max International INC	8.683.688.003		8.719.768.189	
Cty TNHH May Sumec việt nam	4.485.305.826		1.597.682.206	
Công ty Cổ phần May Tatsu			1.745.700.000	
Công ty Cổ phần DG Win Việt nam	1.089.000.000		924.000.000	
Công ty Cổ phần May Minh Anh Thọ Xuân [i]	61.505.000.001			
Nhóm Khách hàng khác (Có số dư nhỏ hơn 10% tổng nợ phải thu)	5.037.129.137		3.146.646.020	
Cộng	80.800.122.967		19.409.090.558	

[i] Khoản nợ liên quan đến hoạt động mua bán Nhà máy May Thọ Xuân.

03 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần may Xuất khẩu Yên Định			3.037.637.700	
Công ty Cổ phần DG Win Việt Nam	10.803.193.147		6.203.465.378	
Công ty Cổ phần Lương Phát	16.939.181.121		66.293.895.231	
Công ty Cổ phần Great Vina	3.783.153.998			
Các nhà cung cấp khác	2.667.500.644		2.885.472.504	
Cộng	34.193.028.910		78.420.470.813	

04 . PHẢI THU KHÁC

Khoản mục	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	19.472.228.047		15.093.852.428	
Tạm ứng	19.472.228.047		15.031.288.923	
Phải thu khác			62.563.505	
b) Dài hạn	15.000.000.000		1.210.000.000	
Ký Quỹ [i]	15.000.000.000		210.000.000	
Phải thu khác			1.000.000.000	
Cộng (a+b)	34.472.228.047		16.303.852.428	

- [i] Số dư 15 tỉ đồng chuyển cho công ty cổ phần Lương Phát (Công ty liên kết) bằng tiền mặt, căn cứ vào văn bản thỏa thuận ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư Nhà máy May Quý Lộc theo Hợp đồng nguyên tắc số 2502/2020/TS-LP-XDCT ngày 25/02/2020. Theo đó, số tiền này được dùng để thanh toán cho giá trị xây dựng công trình Nhà máy May Quý Lộc nếu Công ty Cổ phần Tiên Sơn không thanh toán đúng hạn. Thời hạn của khoản ký quỹ này cho đến khi công trình Nhà máy May Quý Lộc quyết toán xong. Khoản ký quỹ không được hưởng lãi.

05 . HÀNG TỒN KHO

Khoản mục	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng hóa	5.378.887.417		19.638.355.973	
Nguyên vật liệu	1.620.036.000			
Thành phẩm	9.994.817.453		4.698.011.742	
Cộng	16.993.740.870		24.336.367.715	

06 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Chi phí giải phóng mặt bằng NM May Triệu sơn

Đền bù Giải phóng mặt bằng NM may Thọ Xuân

Đền bù Giải phóng mặt bằng NM May Quý Lộc

Cộng

Số cuối năm

Số đầu năm

2.952.250.858

3.387.448.182

3.744.906.641

3.827.363.301

4.667.332.484

4.762.584.167

11.364.489.983

11.977.395.650

07 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (PHỤ LỤC SỐ 01)

08 TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm		4.757.227.389	4.757.227.389
Giảm trong năm		4.757.227.389	4.757.227.389
Số cuối năm			
Hao mòn lũy kế			
Số đầu năm		599.999.991	599.999.991
Khấu hao tăng trong năm		100.000.002	100.000.002
Giảm trong năm		699.999.993	699.999.993
Số cuối năm			
Giá trị còn lại			
Số đầu năm		4.157.227.398	4.157.227.398
Số cuối năm			

09 TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Mẫu khuôn	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	765.000.000	13.516.145.000	14.281.145.000
Giảm trong năm		6.477.097.900	6.477.097.900
Số cuối năm	765.000.000	7.039.047.100	7.804.047.100
Hao mòn lũy kế			
Số đầu năm		588.680.900	588.680.900
Tăng trong năm		153.618.434	153.618.434
Số cuối năm		742.299.334	742.299.334
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	765.000.000		13.692.464.100
Số cuối năm	765.000.000	6.296.747.766	7.061.747.766

10 . TÀI SẢN DỬ DANG DÀI HẠN

Khoản mục	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá trị Xây dựng cơ bản		
Khu Dịch vụ 65 Nguyễn Huệ - Bim Sơn	957.250.000	957.250.000
Khu Nhà xưởng+Dvụ tại Bim Sơn	2.638.000.000	2.638.000.000
Nhà máy May Kim Tân	1.526.000.000	1.526.000.000
Nhà kho Phụ liệu - May XK Sơn Hà	385.673.000	385.673.000
Công trình Cải tạo Nhà ăn ca công nhân may SH	425.000.000	425.000.000
Hồ Vi khí hậu Thọ Xuân		450.000.000
Hạng mục san nền Nhà máy may Triệu Sơn		13.843.906.752
San lấp mặt bằng nhà máy may Quý Lộc Yên Định	10.190.000.000	
Lãi tiền vay dự án đầu tư NM Triệu Sơn		8.034.688.966
Cộng	16.121.923.000	28.260.518.718

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (XEM PHỤ LỤC SỐ 02)**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Cty TNHH May Sumec Việt Nam		2.149.133.282
Công ty TNHH TM và DV Dũng Hùng	300.000.000	
Công ty Cổ phần may minh Anh Thọ Xuân	225.882.526	
Công ty TNHH Trần Hiếu	599.531.223	7.459.252.984
Cty TNHH Năng lượng và Thiết bị nhiệt Mạnh Quân	326.600.000	726.600.000
Công ty TNHH Sài gòn Hi - Tech	339.724.631	
Nhóm Nhà cung cấp khác (Có số dư nhỏ hơn 10% Tổng nợ phải trả)	1.873.630.005	2.026.527.830
Cộng	3.665.368.385	12.361.514.096

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã trả	Số cuối năm
THUẾ PHẢI NỘP	5.450.551.514	5.263.968.024	5.942.054.092	4.772.465.446
Thuế GTGT				
Thuế Nhập khẩu		57.256.500	57.256.500	
Thuế đất		605.067.135	424.246.078	180.821.057
Thuế môn bài		10.000.000	10.000.000	
Thuế TNDN	5.450.551.514	4.591.644.389	5.450.551.514	4.591.644.389
THUẾ PHẢI THU	123.058.959			123.058.959
Thuế GTGT	123.058.959			123.058.959

15 . PHẢI TRẢ KHÁC**a) Ngắn hạn**

Phải trả khác ngắn hạn

Số cuối năm**36.041.168**

36.041.168

b) Dài hạn**32.604.629.866****Số đầu năm**
36.960.877.697

Công ty TNHH TS Vina (Đặt cọc thuê xưởng)

5.254.186.169

7.323.504.000

Công ty TNHH YS Vina (Đặt cọc thuê xưởng)

6.837.426.157

9.124.356.157

Công ty HUG

5.519.133.540

5.519.133.540

Công ty TNHH May Sumec Việt nam

(đặt cọc thuê xưởng)

14.993.884.000

14.993.884.000

Cộng (a+b)**32.640.671.034****36.960.877.697****16 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (XEM PHỤ LỤC SỐ 03)****17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (Phụ lục số 04)****17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Danh sách cổ đông góp vốn	Tỉ lệ(%)	Số cuối năm	Tỉ lệ(%)	Số đầu năm
Ông Trịnh Xuân Lâm	9,86%	34.350.000.000	9,86%	34.350.000.000
Ông Trịnh Xuân Lượng	2,87%	10.000.000.000	7,18%	25.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Dụ	0,29%	1.000.000.000	7,75%	27.000.000.000
Ông Trịnh Văn Dương	1,29%	4.500.000.000	7,18%	25.000.000.000
Ông Trịnh Xuân Dưỡng	1,15%	4.000.000.000	7,18%	25.000.000.000
Các cổ đông khác	84,53%	294.150.000.000	60,85%	211.650.000.000
Cộng	100%	348.000.000.000	100%	348.000.000.000

17.3 Các giao dịch về Vốn chủ sở hữu

Vốn góp đầu năm

Năm nay
348.000.000.000**Năm trước**
348.000.000.000

Vốn góp tăng trong năm

Vốn góp giảm trong năm

Vốn góp cuối năm

348.000.000.000

348.000.000.000

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
17.4 Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.800.000	34.800.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	34.800.000	34.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	34.800.000	34.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 đ/CP	10.000 đ/CP
17.5 Các Quỹ của doanh nghiệp	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ Đầu tư phát triển	439.500.000	439.500.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	18.000.000	18.000.000
Cộng	457.500.000	457.500.000
17 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Ngoại tệ các loại (USD)	18.130,92	8.529,57

THUYẾT MINH BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC**VI TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
01 . DOANH THU		
Hoạt động gia công	49.802.998.866	108.806.083.813
Hoạt động cho thuê Nhà xưởng	39.543.495.290	41.273.093.000
Hoạt động kinh doanh KS	33.945.446	77.266.627
Hoạt động thương mại	188.389.185.125	143.250.237.155
Hoạt động may khâu trang	6.105.113.815	
Hoạt động Nhà máy gỗ	1.503.000.000	
Hoạt động khác	1.721.193.323	2.989.136.458
Cộng	287.098.931.865	296.395.817.053
02 . DOANH THU THUẬN	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hoạt động gia công	49.802.998.866	108.806.083.813
Hoạt động cho thuê Nhà xưởng	39.543.495.290	41.273.093.000
Hoạt động kinh doanh KS	33.945.446	77.266.627
Hoạt động thương mại	188.389.185.125	143.250.237.155
Hoạt động may khâu trang	6.105.113.815	
Hoạt động Nhà máy gỗ	1.503.000.000	
Hoạt động khác	1.721.193.323	2.989.136.458
Cộng	287.098.931.865	296.395.817.053
03 . GIÁ VỐN	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hoạt động gia công	35.749.297.592	72.346.165.515
Hoạt động cho thuê Nhà xưởng	34.329.758.333	40.768.068.202
Hoạt động kinh doanh KS	41.248.189	150.735.313
Hoạt động thương mại	175.584.771.379	137.319.327.093
Hoạt động may khâu trang	3.452.019.356	
Hoạt động Nhà máy gỗ	342.343.397	
Hoạt động khác	1.502.275.509	2.662.104.987
Cộng	251.001.713.755	253.246.401.110

	Năm nay	Năm trước
04 . DOANH THU TÀI CHÍNH		
Lãi tiền gửi	83.695.860	1.119.488.039
Lãi chậm trả		642.571.993
Chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	331.493.601	7.821.727
Cộng	415.189.461	1.769.881.759
05 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
Chi phí lãi vay	10.545.780.722	10.446.181.843
Lãi thuê tài chính	55.230.959	483.832.446
Chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	3.525.740	45.717.357
Chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	234.598.309	644.844.767
Cộng	10.839.135.730	11.620.576.413
06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG		
Chi phí mua ngoài	2.512.942.688	3.534.379.155
Chi phí khấu hao	55.910.278	
Chi phí khác bằng tiền		1.326.211.376
Cộng	2.568.852.966	4.860.590.531
07 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
Chi phí tiền lương	3.779.020.519	2.337.755.093
Chi phí khấu hao	2.262.069.532	520.143.248
Chi phí mua ngoài	3.396.310.446	2.657.191.932
Chi phí công cụ		211.088.290
Chi phí bằng tiền khác	510.041.676	718.288.121
Tăng giảm dự phòng	(251.557.083)	(1.440.000.000)
Cộng	9.695.885.090	5.004.466.684
08 . THU NHẬP KHÁC		
Thu nhập khác	169.870.909	3.419.802.294
Thu nhập thuần thanh lý tài sản (*)	5.755.959.186	
Cộng	5.925.830.095	3.419.802.294
(*) Chi tiết bù trừ thu nhập và chi phí thanh lý tài sản		
Thu nhập thanh lý tài sản (1)	112.048.174.875	
Giá trị còn lại của TS, giá trị QSDĐ thanh lý (2)	101.112.743.641	
Các khoản chi phí thanh lý khác (3)	5.179.472.048	
Thu nhập thuần thanh lý tài sản (4=1-2-3)	5.755.959.186	
09 . CHI PHÍ KHÁC		
Tiền nộp chậm phạt , truy thu bảo hiểm		442.278.378
Chi phí khác	704.251.699	478.811.353
Cộng	704.251.699	921.089.731

	Năm nay	Năm trước
10 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DN		
Tổng thu nhập trước thuế (1)	18.630.112.181	25.932.376.637
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	4.328.109.767	432.642.263
<i>Chi phí không được trừ khác</i>	4.328.109.767	432.642.263
Các khoản điều chỉnh giảm (3)		2.438.589.682
<i>Cổ tức nhận được</i>		
Tổng thu nhập tính thuế (4=1+2-3)	22.958.221.948	23.926.429.218
<i>Thuế TNDN phải nộp năm nay</i>	4.591.644.389	4.785.285.844
Thuế TNDN phải nộp	4.591.644.389	4.785.285.844
11 . LÃI CƠ BẢN-LÃI SUY GIẢM TRÊN CP	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN(1)	14.038.467.792	21.147.090.793
Các điều chỉnh tăng hoặc giảm Lợi nhuận(2)		
Trích Quỹ KTPL(Tạm tính theo Kế hoạch)(3)		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ	14.038.467.792	21.147.090.793
Cổ phiếu phổ thông lưu hành BQ trong kỳ(5)	34.800.000	34.800.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm(6)		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu(7=4:5)	403	608
Lãi suy giảm trên cổ phiếu(8=4/(5+6))	403	608
<i>(6) - Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty chưa tăng vốn bổ sung</i>		
12 . CHI PHÍ SXKD THEO YẾU TỐ	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	1.591.400.950	1.017.977.456
Chi phí nhân công	4.449.315.703	4.662.831.744
Chi phí khấu hao TSCĐ	35.303.183.007	41.138.861.487
Chi phí công cụ dụng cụ	1.395.345.475	2.025.618.835
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.641.369.931	74.202.098.610
Chi phí bằng tiền khác	1.552.622.449	4.184.743.100
Cộng	87.933.237.515	127.232.131.232

VII . CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LCTT

	Năm nay	Năm trước
1 . Số tiền thực vay trong năm		
Tiền vay theo các KU thông thường	166.371.786.517	241.053.614.519
Cộng	166.371.786.517	241.053.614.519
2 . Số tiền đã thực trả gốc vay	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay theo các KU thông thường	187.107.753.534	257.730.843.353
Cộng	187.107.753.534	257.730.843.353

VIII THÔNG TIN KHÁC

01 . SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

02 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN**2.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****a . Giao dịch mua**

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần May Tatsu	Q/ hệ liên kết	9.048.595.908	8.457.518.185
Công ty CP Lương Phát	Công ty liên kết	71.090.649.191	
Công ty Cổ phần Great Vina	Q/ hệ liên kết	5.167.762.586	
Công ty Cổ phần DG Win Việt Nam	Q/ hệ liên kết	17.574.867.085	41.511.070.048
Cộng		102.881.874.770	49.968.588.233

b) . Giao dịch bán

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần May Tatsu	Q/ hệ liên kết	1.900.000.000	14.238.750.000
Công ty Cổ phần Great Vina	Q/ hệ liên kết	90.000.000	
Công ty Cổ phần DG Win Việt Nam	Q/ hệ liên kết	1.150.000.000	1.680.000.000
Cộng		3.140.000.000	15.918.750.000

c) . Giao dịch tài chính(Vay vào)

<u>Tên Tổ chức, cá nhân</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Trịnh Xuân Lượng	Tổng Giám đốc	8.107.370.000	4.919.917.808
Cộng		8.107.370.000	4.919.917.808

2.2 . SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**a) . Trả trước cho Nhà cung cấp**

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần DG Win Việt Nam	Q/ hệ liên kết	10.803.193.147	6.203.465.378
Công ty Cổ phần Lương Phát	Công ty liên kết	16.939.181.121	66.293.895.231
Cộng		27.742.374.268	72.497.360.609

b) . Phải thu khách hàng

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần May Tatsu	Q/ hệ liên kết		1.745.700.000
Công ty Cổ phần DG Win Việt Nam	Q/ hệ liên kết	1.089.000.000	924.000.000
Công ty CP Great Vina	Q/ hệ liên kết	148.500.000	
Cộng		1.237.500.000	2.669.700.000

**02.3 THÔNG TIN VỀ SỞ HỮU TẠI CÁC CÔNG TY KHÁC
CỦA THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Họ và tên	Chức vụ tại công ty khác	Tỉ lệ sở hữu	Giá trị góp vốn	Tên công ty có liên quan
Ông Trịnh Xuân Lâm	Chủ tịch HĐQT	90%	18.000.000.000	Công ty Cổ phần May Tatsu
Ông Trịnh Xuân Lượng	Chủ tịch HĐQT	50,97%	81.552.000.000	Cty Cổ phần Lương Phát
Ông Trịnh Văn Dương	Chủ tịch HĐQT	60%	1.080.000.000	Công ty cổ phần Great Vina
Ông Trịnh Văn Dương	Chủ tịch HĐQT	99,40%	49.700.000.000	Công ty Cổ phần DG Win Việt Nam

03 . ẢNH HƯỞNG DOANH THU CHO THUÊ GHI NHẬN MỘT LẦN (Phụ lục 05)

04 . BÁO CÁO BỘ PHẬN (Phụ lục 06)

05 THU NHẬP CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT (Xem tại Phụ lục số 07)

06 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán.





Lê Thị Nguyên

Người lập biểu

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2021

Tống Anh Linh

Kế toán trưởng

Trịnh Xuân Lượng

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TIỀN SƠN THANH HÓA

Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Thuyết minh Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

PHỤ LỤC SỐ 01

07 TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

T	Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng tài sản cố định hữu hình
<i>Đơn vị tính: VND</i>						
I	Nguyên giá TSCĐ					
1	Số đầu năm	380.744.162.971	178.703.528.595	5.040.225.900	336.407.620	564.824.325.086
2	Tăng trong năm	83.889.502.873	6.371.862.147	4.762.227.389	-	95.023.592.409
	- Do mua sắm		6.371.862.147	4.762.227.389		11.134.089.536
	- Do XDCB hoàn thành	83.889.502.873				83.889.502.873
3	Giảm trong năm	80.246.225.402	47.207.239.876	4.762.227.389	-	132.215.692.667
	- Do thanh lý	80.246.225.402	47.207.239.876	4.762.227.389		132.215.692.667
4	Số cuối năm	384.387.440.442	137.868.150.866	5.040.225.900	336.407.620	527.632.224.828
II	Hao mòn TSCĐ					
1	Số đầu năm	139.384.309.716	96.428.632.433	3.592.593.326	325.517.961	239.731.053.436
2	Tăng trong năm	22.740.136.361	11.034.462.914	1.424.031.980	4.551.750	35.203.183.005
	- Do trích khấu hao TSCĐ	22.740.136.361	11.034.462.914	1.424.031.980	4.551.750	35.203.183.005
3	Giảm trong năm	16.859.191.801	19.780.703.612	1.080.296.292	-	37.720.191.705
	- Do thanh lý	16.859.191.801	19.780.703.612	1.080.296.292		37.720.191.705
4	Số cuối năm	145.265.254.276	87.682.391.735	3.936.329.014	330.069.711	237.214.044.736
III	Giá trị còn lại					
1	Số đầu năm	241.359.853.255	82.274.896.162	1.447.632.574	10.889.659	325.093.271.650
2	Số cuối năm	239.122.186.166	50.185.759.131	1.103.896.886	6.337.909	290.418.180.092

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2021

Lê Thị Nguyễn

Trình Xuân Lượng

Lê Thị Nguyễn
Người lập biểu

Trình Xuân Lượng
Tổng Giám đốc




CÔNG TY CỔ PHẦN TIỀN SƠN THANH HÓA

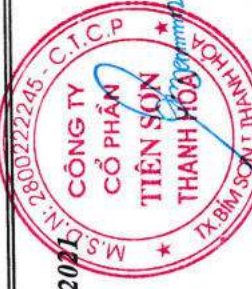
Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Thuyết minh Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**11 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Khoản mục đầu tư	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị sau dự phòng	Giá trị sau dự phòng
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
a) Ngắn hạn	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn(VCB)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000
b) Dài hạn	67.322.000.000	-	67.322.000.000	-	67.322.000.000	67.322.000.000
Đầu tư vào công ty L/kết	67.322.000.000	-	67.322.000.000	-	67.322.000.000	67.322.000.000
Công ty cổ phần Lương Phát	67.322.000.000	-	67.322.000.000	-	67.322.000.000	67.322.000.000
Cộng(a+b)	68.322.000.000	-	68.322.000.000	-	68.322.000.000	68.322.000.000

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2021


Lê Thị Nguyên
Người lập biểu


Tổng Anh Linh
Kế toán trưởng
Trịnh Xuân Lượng
Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC SỐ 03

16 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Vay vào	Trả nợ vay	Giá trị	Số có khả năng trả
a VAY NGẮN HẠN	82.848.350.597	82.848.350.597	167.015.382.068	137.071.931.413	52.904.899.942	52.904.899.942
NHTMCP Công thương Việt nam - CN Bim Sơn	24.563.235.597	24.563.235.597	38.631.670.717	26.653.825.062	12.585.389.942	12.585.389.942
NHTMCP Đông Nam Á - CN Thanh Hóa	37.795.115.000	37.795.115.000	71.926.366.551	57.934.551.551	23.803.300.000	23.803.300.000
NHTMCP ngoại thương- CN Thanh hoá	19.990.000.000	19.990.000.000	36.809.974.800	32.836.184.800	16.016.210.000	16.016.210.000
Vay cá nhân	500.000.000	500.000.000	19.647.370.000	19.647.370.000	500.000.000	500.000.000
b VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	30.143.764.097	30.143.764.097			81.679.737.740	81.679.737.740
NHTMCP Công thương Việt nam - CN Bim Sơn	30.143.764.097	30.143.764.097			80.740.297.740	80.740.297.740
NHTMCP Đông Nam Á - CN Thanh Hóa	30.143.764.097	30.143.764.097			27.000.000.000	27.000.000.000
NH Vietcombank - CN Thanh Hóa					52.890.297.740	52.890.297.740
Nợ thuế tài chính					850.000.000	850.000.000
Cty Cho thuê tài chính TNHH MTV NHCT Việt nam					939.440.000	939.440.000
	112.992.114.694	112.992.114.694	167.015.382.068	188.607.905.056	939.440.000	939.440.000
					134.584.637.682	134.584.637.682

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2021



[Handwritten signature]

Lê Thị Nguyên
Người lập biểu

Tổng Anh Linh
Kế toán trưởng

Trịnh Xuân Lượng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TIỀN SƠN THANH HÓA

Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Thuyết minh Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**17.1 - BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU****PHỤ LỤC SỐ 04**

Chỉ tiêu	Vốn chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ khác của Chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế	Tổng cộng
Năm trước					
1. Số dư đầu năm	348.000.000.000	439.500.000	18.000.000	41.290.486.631	389.747.986.631
2. Số tăng trong năm				21.147.090.794	21.147.090.794
- Lãi trong năm				21.147.090.794	21.147.090.794
3. Số giảm trong năm					
- Giảm khác					
4. Số cuối năm	348.000.000.000	439.500.000	18.000.000	62.437.577.425	410.895.077.425
Năm nay					
1. Số dư đầu năm	348.000.000.000	439.500.000	18.000.000	62.437.577.425	410.895.077.425
2. Số tăng trong năm				14.038.467.792	14.038.467.792
- Lãi năm nay				14.038.467.792	14.038.467.792
3. Số giảm trong năm					
- Giảm khác					
4. Số cuối năm	348.000.000.000	439.500.000	18.000.000	76.476.045.217	424.933.545.217

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2021


Lê Thị Nguyễn
Người lập biểu

Tống Anh Linh
Kế toán trưởngTrịnh Xuân Lượng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TIỀN SON THANH HÓA

Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

PHỤ LỤC 05: THUYẾT MINH ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC GHI NHẬN DOANH THU CHO THUẾ THIẾT BỊ

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	KQKD năm 2020	Doanh thu cho thuế phân bổ cho năm nay	Đơn vị tính: đồng KQKD 2020 (Nếu ghi nhận Dthu từng lần)
01	1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	VI.01	287.098.931.865	3.120.000.000	290.218.931.865
02	2. Các khoản giảm trừ				
10	3. Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp d/vụ	VI.02	287.098.931.865	3.120.000.000	290.218.931.865
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.03	251.001.713.755	1.127.322.818	252.129.036.573
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng, cung cấp d/vụ		36.097.218.110	1.992.677.182	38.089.895.292
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	415.189.461		415.189.461
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	10.839.135.730		10.839.135.730
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		10.545.780.722		10.545.780.722
25	8. Chi phí bán hàng	VI.06	2.568.852.966		2.568.852.966
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.07	9.695.885.090		9.695.885.090
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD		13.408.533.785	1.992.677.182	15.401.210.967
31	11. Thu nhập khác	VI.08	5.925.830.095		5.925.830.095
32	12. Chi phí khác	VI.09	704.251.699		704.251.699
40	13. Lợi nhuận khác		5.221.578.396		5.221.578.396
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.630.112.181	1.992.677.182	20.622.789.363
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.10	4.591.644.389	398.535.436	4.990.179.825
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		14.038.467.792	1.594.141.746	15.632.609.538
61	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11	34.800.000	46	34.800.046
62	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.12	34.800.000	46	34.800.046

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2021



(Handwritten signature)

Lê Thị Nguyễn
Người lập biểu

Tống Anh Linh
Kế toán trưởng

Trịnh Xuân Lượng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TIỀN SƠN THANH HÓA

Số 09, KCN Bắc Sơn Bim Sơn, phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

VIII.03 - BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh

PHỤ LỤC SỐ 06

Đơn vị tính: đồng

TT	Năm nay	Máy gia công	Thương mại	Dịch vụ	Tổng bộ phận đã báo cáo	Điều chỉnh	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
1	Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	49.802.998.866	195.997.298.940	41.298.634.059	287.098.931.865	0	287.098.931.865
2	Doanh thu thuần nội bộ	38.318.150.558	179.379.134.132	35.873.282.031	253.570.566.721	0	253.570.566.721
3	Khấu hao và chi phí phân bổ			9.695.885.090	9.695.885.090		9.695.885.090
4	Khấu hao và chi phí không phân bổ			45.569.167.121	263.266.451.811	0	263.266.451.811
5	Tổng cộng chi phí(3+4)	38.318.150.558	179.379.134.132	45.569.167.121	263.266.451.811	0	263.266.451.811
5	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11.484.848.308	16.618.164.808	(4.270.533.062)	23.832.480.054		23.832.480.054
6	Chi mua TSCĐ				11.134.089.536		11.134.089.536
7	Tài sản bộ phận không phân bổ						579.863.831.008
8	Nợ phải trả bộ phận không phân bổ						154.930.285.791

b) Báo cáo theo khu vực địa lý

TT	Năm nay	Thanh Hóa	Đắk Lắk	Tổng bộ phận đã báo cáo	Điều chỉnh	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
1	Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	287.098.931.865	0	287.098.931.865		287.098.931.865
	Trong đó					
	D/Thu Gia công	49.802.998.866		49.802.998.866		49.802.998.866
	D/Thu thương mại	195.997.298.940		195.997.298.940		195.997.298.940
	D/Thu CC dịch vụ	41.298.634.059		41.298.634.059		41.298.634.059
2	Giá vốn	251.001.713.755		251.001.713.755		251.001.713.755
2	Lợi nhuận thuần	36.097.218.110	0	36.097.218.110		36.097.218.110
3	Chi mua TSCĐ	11.134.089.536		11.134.089.536		11.134.089.536

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2021

(Signature)



Lê Thị Nguyên
Người lập biểu

Tổng Anh Linh
Kế toán trưởng

Trịnh Xuân Lương
Tổng Giám đốc

VIII.03 THU NHẬP BỘ PHẬN QUẢN LÝ

PHỤ LỤC SỐ 07

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	Năm nay	Năm trước
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC		976.818.000	857.610.000
1	Ông Trịnh Xuân Lâm	Chủ tịch HĐQT	108.000.000	156.000.000
2	Ông Trịnh Xuân Lượng	Ủy viên HĐQT- TGD	288.000.000	150.000.000
3	Ông Trịnh Văn Dương	Ủy viên HĐQT	313.000.000	309.000.000
4	Ông Lê Văn Ngọc	Ủy viên HĐQT	141.818.000	128.610.000
5	Ông Lương Văn Quyết	Ủy viên HĐQT	126.000.000	114.000.000
II	BAN KIỂM SOÁT		370.597.000	328.000.000
1	Ông Đinh Bộ Lễ	Trưởng ban	94.597.000	88.000.000
2	Ông Trịnh Văn Tâm	Ủy viên	192.000.000	156.000.000
3	Bà Nguyễn Thị Giang	Ủy viên	84.000.000	84.000.000

Lê Thị Nguyễn
Người lập biểu

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2021

Tống Anh Linh
Kế toán trưởng



Trịnh Xuân Lượng
Tổng Giám đốc

